

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN CHÍ CÔNG

**TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH NAM ĐỊNH**

**Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS HỒ SỸ SƠN**

Hà Nội, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

NGUYỄN CHÍ CÔNG

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM.....	5
1.1. Khái quát lập pháp hình sự Việt Nam về tội giết người	5
1.2. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam	12
1.3. Phân biệt tội giết người với một số tội phạm khác	22
CHƯƠNG 2. ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH	27
2.1. Thực tiễn định tội danh tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định.....	27
2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định.....	52
CHƯƠNG 3. CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐÚNG ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TỪ THỰC TIỄN TỈNH NAM ĐỊNH.....	69
3.1. Yêu cầu định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người	69
3.2. Các giải pháp bảo đảm định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người	70
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	81

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADPL:	Áp dụng pháp luật
BLHS:	Bộ luật hình sự
CTTP:	Cấu thành tội phạm
CQĐT:	Cơ quan điều tra
QĐHP:	Quyết định hình phạt
TAND:	Tòa án nhân dân
VKSND:	Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Số liệu, tỷ lệ các vụ án giết người và cố ý gây thương tích Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã xét xử từ năm 2011 – 2015

Bảng 2.2: Số liệu, tỷ lệ các vụ án giết người bị đình chỉ, tạm đình chỉ từ năm 2011 – 2015

Bảng 2.3: Tổng số vụ án, bị cáo Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm từ năm 2011 – 2015

Bảng 2.4: Tổng số vụ án, bị cáo phạm tội giết người Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử có kháng cáo, kháng nghị từ năm 2011 – 2015

Bảng 2.5: Số bị cáo và mức hình phạt tòa án đã tuyên đối với tội giết người từ năm 2011 – 2015

Bảng 2.6: Tổng số bị cáo phạm tội giết người Tòa án đã xét xử chênh với đề nghị của Viện kiểm sát từ năm 2011 – 2015

Bảng 2.7: Số vụ án giết người do người mắc bệnh tâm thần thực hiện phải đình chỉ điều tra từ năm 2011 đến 2015

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện đường lối, chính sách đổi mới của Đảng từ năm 1986, đến nay đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cùng với sự phát triển không ngừng về kinh tế, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đời sống nhân dân không những ổn định mà ngày một nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì nền kinh tế thị trường cũng có mặt trái của nó ảnh hưởng tiêu cực, làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp, trong đó có các vấn đề về dân số, việc làm, tệ nạn xã hội, đặc biệt là tình hình tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe nói riêng.

Trong bối cảnh đó, tình hình tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhất là tội giết người ở tỉnh Nam Định trong những năm gần đây diễn biến phức tạp, ngày càng có chiều hướng gia tăng. Tội phạm giết người đã để lại hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội, ngoài việc tước đoạt quyền sống hợp pháp của người khác, nó còn gây ra cảnh đau thương tang tóc cho nhiều gia đình, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Trong thời gian vừa qua các cơ quan bảo vệ pháp luật tỉnh Nam Định về cơ bản đã áp dụng pháp luật một cách đúng đắn có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng chống loại tội phạm này, góp phần làm ổn định tình hình chính trị địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt làm được, trong thời gian qua, hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án giết người của các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Nam Định vẫn còn những hạn chế bất cập như trong việc định tội danh và quyết định hình phạt còn chưa chính xác, dẫn đến tình trạng án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, bị cấp trên cải, sửa. Bên cạnh đó những bất cập, hạn chế đó do nhiều nguyên nhân khác nhau như bất cập trong các quy định của BLHS, các văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ, thiếu cụ thể dẫn đến việc nhận thức pháp luật giữa các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thống nhất, đồng thời do trình độ năng lực của những người tiến hành tố tụng ở địa phương còn nhiều hạn chế và không đồng đều

cũng góp phần vào việc không thống nhất trong việc nhận thức quy định của pháp luật về tội giết người.

Trước tình hình đó, học viên chọn nghiên cứu đề tài: “Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Nam Định” nhằm nghiên cứu các lý luận chung về tội giết người, để có sự thống nhất trong nhận thức các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người, xem xét, đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật đối với loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh từ đó đề xuất các yêu cầu và giải pháp bảo đảm định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người, góp phần vào việc nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này trên địa bàn tỉnh Nam Định nói riêng và cả nước nói chung.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm qua, ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu về tội giết người dưới nhiều góc độ khác nhau như: Luận án tiến sĩ luật học “Tội giết người trong Luật Hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng chống loại tội phạm này” của tác giả Đỗ Đức Hồng Hà, Hà Nội, năm 2007; “Những vấn đề phải chứng minh trong vụ án giết người” của tác giả Nguyễn Minh Công năm 2013; “Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam” của tác giả Thái Huy Đức năm 2014 ...

Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu về đề tài: “Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Nam Định”. Trong khi đó, trong những năm gần đây tình hình tội phạm giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định có chiều hướng gia tăng gây ra những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Do đó đòi hỏi phải có sự nghiên cứu cụ thể, đầy đủ, rõ ràng để có những luận cứ khoa học, đồng thời đưa ra những yêu cầu, giải pháp bảo đảm định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người, góp phần vào công tác áp dụng pháp luật và đấu tranh phòng chống tội phạm giết người tại địa phương.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận và các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người, thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội này trên địa bàn tỉnh Nam Định, luận văn đề xuất các giải pháp bảo đảm

định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người ở nước ta từ thực tiễn tỉnh Nam Định.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên đây, luận văn thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

+ Tìm hiểu lịch sử quy định và hoàn thiện các quy phạm pháp luật hình sự nước ta về tội giết người.

+ Phân tích khái niệm và các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội giết người.

+ Phân tích, đánh giá thực tiễn định tội danh tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định.

+ Phân tích thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định.

+ Các yêu cầu và giải pháp bảo đảm định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: “Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Nam Định”. Luận văn lấy các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật hình sự, thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015 để nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài luận văn được nghiên cứu dưới góc độ luật hình sự và tổ tụng hình sự. Các số liệu phục vụ cho việc nghiên cứu được thu thập tại Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đối với các vụ án giết người xảy ra trên địa bàn tỉnh từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về Nhà nước và pháp luật, về đấu tranh phòng chống tội phạm. Đề tài luận văn

còn được nghiên cứu dựa trên các phương pháp nghiên cứu cụ thể là phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, đối chiếu, chứng minh ...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Việc nghiên cứu thành công đề tài có ý nghĩa quan trọng về lý luận và thực tiễn.

- Về lý luận: Luận văn góp tiếng nói khoa học vào nhận thức chung về tội giết người trong khoa học luật hình sự Việt Nam, đồng thời góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận và hoàn thiện các quy định của BLHS về tội giết người. Làm tài liệu trong học tập và nghiên cứu.

- Về thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận văn, những vấn đề lý luận nêu trong luận văn góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong xử lý tội phạm giết người và những tội phạm khác có liên quan. Đồng thời luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định nói riêng và cả nước nói chung.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn gồm có 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Chương 3: Các yêu cầu và giải pháp bảo đảm định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người từ thực tiễn tỉnh Nam Định.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái quát lập pháp hình sự Việt Nam về tội Giết người

1.1.1. Giai đoạn trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

Trong giai đoạn này tội giết người được quy định trong các văn bản: Sắc lệnh số 26 - SL ngày 25/02/1946 trừng trị tội phá hoại công sản; sắc lệnh số 27 - SL ngày 28/02/1946 trừng trị các tội bắt cóc, tống tiền và ám sát; sắc lệnh số 133 - SL ngày 20/01/1953 trừng trị những tội xâm phạm an ninh đối nội và an toàn đối ngoại của Nhà nước; sắc lệnh số 151 - SL ngày 12/4/1953 trừng trị địa chủ chống pháp luật; Thông tư số 442 - TTg ngày 19/01/1955 tổng kết án lệ về một số tội phạm thông thường.

Từ năm 1955 đến năm 1976, để thực hiện đường lối mà Đảng ta đề ra, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn đường lối xử lý tội giết người như: Chỉ thị số 1025 - TATC ngày 15/6/1960 của Tòa án nhân dân tối cao về đường lối xử lý tội giết người vì mê tín; Chỉ thị số 01-NCCCS ngày 14/3/1963 của Tòa án nhân dân tối cao về xử lý tội giết trẻ sơ sinh; Bản chuyên đề tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người ban hành kèm theo Công văn số 452/HS2 ngày 10/8/1970 của Tòa án tối cao về thực tiễn xét xử tội giết người; sắc luật số 03 - SL ngày 15/3/1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời và Thông tư số 03-SL-BTP-TT ngày 15/4/1976 của Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành sắc luật số 03 nói trên.

Sau năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, bên cạnh niềm vui đất nước hòa bình thống nhất thì chúng ta phải đương đầu với nhiều khó khăn thử thách trong đó có tình hình tội phạm gia tăng do lợi dụng hoàn cảnh đất nước mới thống nhất, đặc biệt là tội phạm giết người cướp của. Trong bối cảnh đó Đảng ta thấy cần đặt ra vấn đề ưu tiên là xây dựng và hoàn thiện pháp luật pháp luật để điều chỉnh các tội phạm phát sinh. Nghị quyết ngày 02/7/1976 của Quốc hội khóa VI, kì họp thứ nhất, Hội đồng chính phủ đã thu thập ý kiến của các ngành và đã chủ trương như sau:

"a) Những văn bản pháp luật hiện hành ở hai miền đều được áp dụng chung trong cả nước vì đều là xuất phát từ đường lối, chính sách của Đảng cụ thể là:

- Đối với các tỉnh phía Nam: những sắc luật mới được ban hành cũng như những văn bản pháp luật khác của Chính phủ cách mạng lâm thời vẫn tiếp tục được áp dụng. Nhưng nếu có điều khoản nào đã được quy định một cách quá tổng quát, thì có thể và cần thiết phải vận dụng luật lệ đã được thi hành ở miền Bắc.

Đối với vấn đề nào mà ở miền Nam trước đây chưa có luật lệ mà miền Bắc đã có, thì vận dụng luật lệ đang được thi hành ở miền Bắc, nhưng phải xem xét vận dụng vào tình hình, đặc điểm của miền Nam cho phù hợp.

Đối với các tỉnh phía Bắc: Đối với các vấn đề nào mà miền Bắc chưa có hoặc tuy đã có nhưng chưa thích hợp mà miền Nam đã có và tiến bộ hơn thì áp dụng luật lệ ở miền Nam".[17].

Ngày 06/7/1976, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành bản sơ thảo Chỉ thị số 54-TATC hướng dẫn thi hành pháp luật thống nhất, trong đó có đoạn viết : *"Chủ trương thi hành pháp luật thống nhất trong cả nước nói trên thể hiện tính quá độ hiện nay trong thời kỳ đầu của việc thống nhất đất nước và là một bước quan trọng trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa".[30].*và chỉ rõ văn bản quy định tội giết người đang có hiệu lực thi hành là sắc luật số 03 -SL- 76 ngày 15/3/1976. Vì vậy, Tòa án ở các tỉnh phía Nam vẫn áp dụng văn bản này như hiện nay. Trong khi áp dụng, cần nghiên cứu bản tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người số 452 - HS2 ngày 10/8/1970 của Tòa án nhân dân tối cao để nắm được dấu hiệu và đường lối, chính sách xử lý của loại tội phạm này mà vận dụng cho sát thực tế. Các Tòa án thuộc các tỉnh, thành phía Bắc cũng có thể áp dụng văn bản này thay cho Thông tư số 442 -TTg ngày 19/01/1955.

Có thể nói trong giai đoạn 1945 đến 1985 đã đánh dấu bước ngoặt mới của pháp luật hình sự Việt Nam, quy định về tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng đã được quy định một cách tương đối hoàn chỉnh. Các nhà làm luật đã có sự phân hóa TNHS cũng như mức độ thực hiện tội phạm để có đường lối xử lý tội phạm, tránh sự tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật. Pháp luật giai đoạn này thể hiện tính chất của pháp luật xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tất cả người trong xã hội,

không có sự phân biệt giai cấp. Mặc dù, vẫn còn một số hạn chế nhất định nhưng pháp luật hình sự Việt Nam giai đoạn này có ý nghĩa to lớn, là nền tảng, cơ sở cho việc quy định pháp luật hình sự giai đoạn tiếp theo.

1.1.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Trong giai đoạn này, trên cơ sở của Hiến pháp năm 1980, Bộ luật hình sự năm 1985 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 6 năm 1985 tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa VII. Đây là mốc lịch sử quan trọng đánh dấu sự ra đời của BLHS đầu tiên của nước Việt Nam, Bộ luật đầu tiên có hiệu lực từ ngày 01/01/1985, bao gồm 12 chương với 280 điều trong đó tội giết người được quy định tại chương II, Điều 101, bao gồm 4 khoản quy định cụ thể cho từng hành vi phạm tội. Đây là giai đoạn áp dụng pháp luật thống nhất cả nước.

“Điều 101: Tội giết người.

1- Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình;

a) Vì động cơ đê hèn; để thực hiện hoặc để che giấu tội phạm khác;

b) Thực hiện tội phạm một cách man rợ; bằng cách lợi dụng nghề nghiệp hoặc bằng phương pháp có khả năng chết nhiều người;

c) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;

d) Giết nhiều người hoặc giết phụ nữ mà biết là có thai;

đ) Có tổ chức;

e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội nghiêm trọng khác;

g) Có tính chất côn đồ; tái phạm nguy hiểm.

2- Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định ở khoản 1 Điều này hoặc không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

3- Phạm tội trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

4- *Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con mới đẻ hoặc vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm*”.[18].

Nghiên cứu quy định tại Điều 101 nêu trên, chúng ta có thể thấy tại BLHS năm 1985 tội giết người đã được quy định khá cụ thể, có sự phân hóa rõ hành vi của người phạm tội, mức độ nguy hiểm, xem xét đến nạn nhân và nhân thân người phạm tội. Điều 101 BLHS năm 1985 cũng đã quy định những tình tiết được xem là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt, đó là giết người trong trường hợp bị kích động mạnh về tinh thần hay giết con mới đẻ. Khi người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội thuộc một trong các trường hợp giảm nhẹ đặc biệt này thì chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn.

Về hình phạt: Trong bộ luật hình sự năm 1985, tội giết người có mức hình phạt thấp nhất là 3 tháng tù và cao nhất là tử hình. Như vậy khung hình phạt giữa mức tối thiểu và tối đa có sự chênh lệch lớn, tùy theo mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội có mức hình phạt tương ứng, tạo sự linh hoạt cho Hội đồng xét xử trong quá trình áp dụng pháp luật. Tuy nhiên khung hình phạt quá dài cũng dễ tạo nên sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật, dẫn đến việc áp dụng không thống nhất trong các vụ án, giữa các địa phương về các vụ án có những tình tiết tương đối giống nhau.

Qua thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, tính chất mức độ của tội giết người ngày càng nguy hiểm, tinh vi hơn. Để đáp ứng cho nhu cầu của tình hình thực tế BLHS năm 1985 qua 4 lần sửa đổi, bổ sung các năm 1989; 1991; 1992; 1997. Đến năm 1999 tại kỳ họp thứ VI Quốc hội khóa X đã quyết định thông qua BLHS năm 1999 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2000.

1.1.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến nay.

Bộ luật hình sự năm 1999 gồm 24 chương, 344 điều, tội giết người được quy định tại Điều 93, bao gồm có 3 khoản quy định chi tiết hơn, cụ thể hơn về hành vi giết người, đồng thời quy định cụ thể về hình phạt cho từng loại hành vi.

“Điều 93. Tội giết người

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết nhiều người;
- b) Giết phụ nữ mà biết là có thai;
- c) Giết trẻ em;
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;
- đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;
- e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng;
- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;
- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;
- l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;
- m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;
- n) Có tính chất côn đồ;
- o) Có tổ chức;
- p) Tái phạm nguy hiểm;
- q) Vì động cơ đê hèn.

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm”. [19, tr. 97].

BLHS năm 1999 được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009 sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS được Quốc hội thông qua năm 1999, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Điểm mới cơ bản của BLHS sửa đổi, bổ sung là bỏ án tử hình đối với 8 tội đó là: hiếp dâm; buôn lậu; lừa đảo; làm, tàng trữ, lưu hành, vận chuyển tiền giả, ngân phiếu giả; tổ chức sử dụng trái phép ma túy; chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy; đưa hối lộ; hủy hoại vũ khí

quân dụng. Nâng mức hình phạt với nhiều tội danh theo hướng tăng lên. Cụ thể, nâng mức định lượng từ 500.000đ lên 2.000.000đ để xử lý các loại hành vi lừa đảo; đưa, nhận, môi giới hối lộ; trộm cắp; tham ô; công nhiên chiếm đoạt tài sản; huỷ hoại tài sản; lợi dụng chức vụ để trục lợi...Đối với tội chiếm giữ trái phép tài sản, luật mới nâng mức vi phạm để truy cứu TNHS từ 5 triệu đồng lên 10 triệu đồng; nâng mức trốn thuế từ 50 triệu đồng lên 100 triệu đồng mới xử lý hình sự...Luật sửa đổi lần này, tội giết người vẫn giữ nguyên quy định và chế tài.

Tuy nhiên, kể từ sau khi BLHS năm 1999 được ban hành, tình hình đất nước ta đã có những thay đổi lớn về mọi mặt, tình hình tội phạm nhìn chung vẫn diễn biến hết sức phức tạp với những phương thức, thủ đoạn mới, tinh vi, xảo quyệt. Điều này đã làm cho BLHS hiện hành trở nên bất cập không đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Mặc dù, năm 2009, Quốc hội khoá XII đã sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS, nhưng do phạm vi sửa đổi chỉ giới hạn trong một số điều, nên chưa thể khắc phục được đầy đủ, toàn diện những bất cập của BLHS trong thực tiễn. Những bất cập, hạn chế của BLHS hiện hành được thể hiện ở một số điểm chủ yếu như sau: *Thứ nhất*, nền kinh tế thị trường định hướng định hướng XHCN của nước ta đã có những bước phát triển quan trọng nhưng cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết, trong đó có vấn đề đấu tranh phòng chống tội phạm. *Thứ hai*, do ban hành từ năm 1999, nên BLHS chưa thể chế hoá được những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về cải cách tư pháp là “*coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm*”.[1]. Đây là những quan điểm mới của Đảng và Nhà nước ta về chính sách hình sự mà BLHS cần phải được thể chế hóa một cách đầy đủ.

Đặc biệt, sự phát triển của Hiến pháp năm 2013 về việc ghi nhận và đảm bảo thực hiện các quyền con người, quyền công dân đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cả hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật hình sự với tính cách là

công cụ pháp lý quan trọng và sắc bén nhất trong việc bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân.

Thứ ba, BLHS hiện hành chưa cập nhật được đầy đủ, kịp thời các hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, nguy hiểm cao cho xã hội để có biện pháp xử lý hình sự thích đáng. Điển hình có thể kể tới các hành vi lạm dụng lao động trẻ em; chiếm đoạt, mua bán trái phép mô tạng, các bộ phận cơ thể người v.v... Điều này chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. *Thứ tư*, BLHS hiện hành được ban hành từ năm 1999 trong bối cảnh nước ta chưa hội nhập sâu vào thế giới, nhiều điều ước quốc tế chúng ta chưa có điều kiện gia nhập, do vậy, chưa phản ánh được những đặc điểm và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện hội nhập quốc tế, chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho việc hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. *Thứ năm*, BLHS hiện hành cũng còn nhiều bất cập về mặt kỹ thuật lập pháp liên quan đến sự thống nhất giữa Phần chung và Phần các tội phạm; các dấu hiệu định tội, định khung của nhiều tội danh; các tội ghép; cách thiết kế khung hình phạt cũng như khoảng cách khung hình phạt của một số tội danh; chưa có sự nhất quán trong cách phân chia các chương tội phạm...[2].

Những hạn chế, bất cập nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu lực và hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; chưa thực sự tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước cũng như cho việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền của người dân. Do đó, việc xây dựng BLHS (sửa đổi) là hết sức cần thiết.

Trên tinh thần đó BLHS năm 2015 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt nam Khóa 13, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015. Bộ luật hình sự năm 2015 gồm 26 chương với 426 điều. Bộ luật sửa đổi bổ sung các nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; tăng phạt tiền với tích cách là hình phạt chính đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Bên cạnh đó BLHS năm 2015 còn quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân; sửa đổi, bổ sung nhóm các tội phạm về môi trường. Sửa đổi bổ sung các quy định về điều kiện áp dụng hình phạt theo hướng hạn chế áp dụng hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt ngoài tù. Sửa đổi, bổ sung các quy định về hình phạt tử hình theo hướng tiếp tục thể chế hóa chủ chương hạn chế áp dụng hình

phạt tử hình theo các nghị quyết của đảng về cải cách tư pháp, bám sát tinh thần nội dung Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Quy định chặt chẽ các điều kiện áp dụng hình phạt tử hình, bỏ hình phạt tử hình với 7 tội danh cụ thể... Thời điểm có hiệu lực quy định trong bộ luật là từ ngày 01/7/2016, tuy nhiên do có một số sai sót trong BLHS năm 2015, ngày 29/6/2016, Quốc hội khóa 13 đã ban hành Nghị quyết số 144/2016/QH13 lùi hiệu lực thi hành BLHS năm 2015 từ ngày 01/7/2016 đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành; tiếp tục thực hiện các quy định khác có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 BLHS, điểm b khoản 1 Điều 1 và khoản 2 điều 1 và các quy định khác có lợi cho người phạm tội tại Nghị quyết số 109/2015/QH13.

Tội giết người theo quy định của BLHS năm 2015 được quy định tại điều 123 gồm 3 khoản quy định hình phạt chính và 01 khoản quy định hình phạt bổ sung.

1.2. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam

- Khái niệm tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam

Phân tích quy định tại Điều 93 BLHS năm 1999 và Điều 123 BLHS năm 2015 về tội giết người có thể thấy, nhà làm luật nêu tên tội danh, nhưng không mô tả cụ thể những dấu hiệu của tội này. Dựa trên cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý quy định tại Khoản 1 Điều 8 BLHS năm 1999; khoản 1 Điều 8 BLHS năm 2015 thì: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự”*. [20, tr. 48] và thực tiễn xét xử các vụ án về tội giết người có thể đưa ra định nghĩa về tội giết người như sau: *“Tội giết người là hành vi tước đoạt sinh mạng của người khác một cách trái pháp luật, do người có năng lực trách nhiệm*

hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm tính mạng của con người được pháp luật bảo vệ”.

- Các dấu hiệu pháp lý của tội giết người

Phân tích quy định về tội giết người theo quy định tại Điều 93 BLHS năm 1999 và điều 123 BLHS năm 2015 có thể thấy tội giết người có các dấu hiệu pháp lý như sau:

- Khách thể của tội giết người

Khách thể của tội giết người là quyền bất khả xâm phạm về tính mạng của con người được Hiến pháp quy định và được luật hình sự bảo vệ. Khách thể của tội giết người là quyền được sống của con người, còn những trường hợp tính mạng của con người bị tước đoạt khi thi hành án tử hình hay trong trường hợp phòng vệ chính đáng thì pháp luật cho phép và luật hình sự không bảo vệ. Một bộ phận quan trọng của khách thể là đối tượng tác động của tội phạm. Trong tội giết người, đối tượng tác động của tội phạm là con người từ lúc sinh ra cho đến lúc qua đời (chết hẳn), trừ trẻ em thuộc trường hợp quy định tại Điều 94 BLHS năm 1999 và Điều 124 BLHS năm 2015.

- Mặt khách quan của tội giết người

Mặt khách quan của tội giết người thể hiện hành vi tước đoạt tính mạng của người khác, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi tước đoạt tính mạng người khác và hậu quả xảy ra. Hành vi này có thể là hành động phạm tội như đâm, chém, bắn.... nhưng cũng có thể là không hành động phạm tội như hành vi của người mẹ không cho con bú dẫn đến đứa trẻ chết.

Hành vi tước đoạt tính mạng chỉ được coi là hành vi khách quan của tội giết người nếu hành vi đó phải là hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác. Hành vi tự tước đoạt tính mạng của chính mình không thuộc hành vi khách quan của tội giết người. Những hành vi gây ra cái chết cho người khác được pháp luật cho phép cũng không phải là hành vi khách quan của tội giết người.

Tội giết người là tội có cấu thành vật chất. Vì vậy tội phạm hoàn thành khi cái chết của nạn xảy ra. Nếu có hành vi giết người nhưng vì những lý do khác nhau, hậu quả chết người của nạn nhân chưa xảy ra, thì người phạm tội thực hiện tội giết

người chưa đạt. Khi đánh giá hậu quả xảy ra có phải là kết quả của hành vi hay không cần xem xét cả mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Việc xem xét mối quan hệ này cho phép định tội danh chính xác tội giết người.

Công cụ, phương tiện phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành cơ bản của tội giết người.

- *Chủ thể của tội giết người*

Chủ thể của tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định khi thực hiện tội phạm. Cho nên, người chưa đạt độ tuổi bắt đầu có năng lực TNHS sẽ được coi là người chưa có năng lực TNHS. Phân tích quy định tại Điều 12, Điều 13 của BLHS năm 1999 và Điều 12 BLHS năm 2015 cũng như các quy định tại Điều 93 BLHS năm 1999 và Điều 123 BLHS năm 2015 có thể khẳng định rằng chủ thể của tội giết người là bất kỳ người nào từ đủ 14 tuổi trở lên, có năng lực TNHS.

- *Mặt chủ quan của tội giết người*

Mặt chủ quan của tội phạm là diễn biến tâm lý bên trong của người phạm tội. Mặt chủ quan của tội giết người bao gồm lỗi, động cơ phạm tội và mục đích phạm tội, trong đó lỗi là dấu hiệu bắt buộc. Tội giết người được thực hiện bởi lỗi cố ý trực tiếp với ý thức tước đoạt tính mạng của người khác trái pháp luật nhưng cũng có trường hợp do lỗi cố ý gián tiếp, bỏ mặc hậu quả xảy ra nên khi xác định TNHS của người thực hiện hành vi phạm tội phải làm rõ tính chất, mức độ lỗi làm cơ sở cho việc xác định tội danh và QĐHP cho phù hợp. Ngoài ra, trong trường hợp hậu quả chết người không xảy ra hoặc chưa xảy ra nằm ngoài ý muốn chủ quan của người phạm tội thì phải xem xét, đánh giá toàn diện nhất là về mặt ý thức chủ quan của người phạm tội để không nhầm lẫn với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Ở tội giết người, dấu hiệu hành vi tước đoạt tính mạng người khác và dấu hiệu lỗi cố ý là những dấu hiệu đặc trưng cho phép phân biệt tội giết người với những tội phạm khác.[24, tr.153].

- *Các dấu hiệu định khung tăng nặng*

Cơ cấu khung hình phạt của các tội trong BLHS năm 1999 thường sắp xếp theo khung hình phạt tăng dần, khoản 1 là cấu thành cơ bản. Riêng tội Giết người tại điều 93 thì khung tăng nặng lại được sắp xếp ở khoản 1 của điều luật, với 16 tình tiết định khung tăng nặng quy định từ điểm a đến q và mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình như sau:

a) Giết nhiều người:

Đây là tình tiết người phạm tội có ý định giết từ 2 người trở lên hoặc có ý thức bỏ mặc cho hậu quả nhiều người chết xảy ra. Người phạm tội có thể giết nhiều người trong cùng một lần hoặc nhiều lần khác nhau. Tuy nhiên nếu người phạm tội có ý thức bỏ mặc cho hậu quả chết người xảy ra thì hậu quả phải có từ 02 người chết trở lên mới thuộc tình tiết giết nhiều người.

b) Giết phụ nữ mà biết là có thai

Là trường hợp người phạm tội biết rõ người phụ nữ mình giết là phụ nữ đang mang thai (bất kể tháng thứ mấy). Tình tiết này đã được hướng dẫn tại mục 2.3 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như sau: “Bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó mang thai”.[14]. Như vậy, nếu người phụ nữ bị giết hại mang thai thật, nhưng có căn cứ xác định người phạm tội không biết họ đang có thai thì cũng không thuộc trường hợp giết phụ nữ mà biết là có thai. Ngược lại nếu trong trường hợp người phụ nữ bị giết không có thai, nhưng người phạm tội lầm tưởng là có thai và sự lầm tưởng của người phạm tội là có căn cứ, thì theo thực tiễn người phạm tội vẫn bị xét xử về tội giết người với tình tiết giết phụ nữ mà biết là có thai.

c) Giết trẻ em

Trẻ em theo quy định tại Điều 1 của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì “Trẻ em quy định trong Luật này là công dân Việt Nam dưới mười sáu tuổi”.[24]. Theo Điều 1 Luật trẻ em năm 2016 (hiệu lực 01/7/2016) thì “*Trẻ em là người dưới 16 tuổi*”.[25].

Như vậy hành vi giết trẻ nêu trên là trường hợp người phạm tội giết người dưới 16 tuổi, bất kể người phạm tội có nhận thức được điều đó hay không.

d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân

Giết người đang thi hành công vụ là trường hợp giết người giết người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội khi họ đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Nạn nhân bị chết phải là đang làm nhiệm vụ và nhiệm vụ đó phải hợp pháp thì tình tiết “giết người đang thi hành công vụ” mới được viện dẫn.

Giết người vì lý do công vụ của nạn nhân là trường hợp giết người mà động cơ của hành vi giết người gắn liền với việc thi hành công vụ của nạn nhân: giết nạn nhân để không cho nạn nhân thi hành công vụ hay giết nạn nhân để trả thù nạn nhân đã thi hành công vụ. Do đó trong trường hợp này, người phạm tội giết nạn nhân không chỉ khi đang thi hành công vụ mà có thể trước hoặc sau khi thi hành công vụ.

đ) Giết ông bà, cha mẹ, người nuôi dưỡng, thầy cô giáo của mình

- Giết ông, bà bao gồm ông, bà nội hay ông, bà ngoại của người phạm tội;

- Giết cha, mẹ: cha, mẹ ruột hay cha, mẹ nuôi, cha, mẹ vợ hay cha, mẹ chồng của người có hành vi phạm tội;

Chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng giết người nuôi dưỡng của mình nếu thỏa mãn hai điều kiện: một là, nạn nhân là người đã hoặc đang nuôi dưỡng người phạm tội; hai là, quan hệ nuôi dưỡng này phải được pháp luật thừa nhận.

- Thầy cô giáo của mình: là hành vi giết những người đã hoặc đang dạy dỗ người phạm tội theo quy định tại khoản 1 điều 70 và điều 71 Luật Giáo dục năm 2005.

- Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng

Giết người mà liền trước đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng là trường hợp liền ngay trước khi giết người, người phạm tội đã phạm một tội mà BLHS quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù hoặc trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Giết người mà liền sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng là trường hợp liền sau ngày sau khi đã giết người, người phạm tội đã phạm một tội mà BLHS quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù hoặc trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

g) Giết người để thực hiện hoặc che dấu tội phạm khác

Tình tiết này bao gồm 2 trường hợp:

- Thứ nhất, giết người để thực hiện tội phạm khác: là trường hợp giết người mà động cơ thúc đẩy người phạm tội có hành vi giết người để thực hiện một tội phạm khác. Tội phạm khác là bất kỳ tội phạm nào được quy định trong BLHS. Khác với tình tiết “giết người mà liền sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” ở chỗ: Thời gian giết người và sau đó phạm tội khác có thể có khoảng thời gian dài nhất định, hành vi giết người có mối quan hệ mật thiết và là tiền đề của “Tội phạm khác”

- Thứ hai, giết người để che dấu tội phạm khác: Đây là trường hợp trước khi giết người, người có hành vi giết người đã thực hiện một tội phạm và để che dấu tội phạm đó nên người phạm tội đã giết người. Người bị giết trong trường hợp này thường là người đã biết hành vi phạm tội hoặc người cùng thực hiện tội phạm. Giữa hành vi giết người của người phạm tội với tội phạm mà y đã thực hiện phải có mối liên hệ với nhau, nhưng mối liên hệ ở đây không phải là tiền đề hay phương tiện như trường hợp “giết người để thực hiện tội phạm khác” mà chỉ là thủ đoạn để che dấu tội phạm.

h) Giết người để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân

Đây là trường hợp người phạm tội giết người để lấy bất kỳ bộ phận cơ thể nào của nạn nhân, cho dù người phạm tội lấy các bộ phận này với bất kỳ mục đích gì đều phạm tội giết người.

i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ

Là trường hợp giết người một cách dã man, tàn ác bằng các thủ đoạn làm cho nạn nhân đau đớn, quằn quại trước khi chết như: Mổ bụng, moi tim, khoét mắt ...

k) Giết người bằng cách lợi dụng nghề nghiệp

Là trường hợp người phạm tội đã sử dụng nghề nghiệp của mình để làm phương tiện giết người dễ dàng và cũng dễ dàng che dấu tội phạm, như: bác sĩ giết bệnh nhân; bảo vệ bắn chết người, nhưng lại vu cho họ là kẻ cướp... Phải xác định rõ người phạm tội đã lợi dụng nghề nghiệp của mình để giết người thì mới thuộc trường hợp phạm tội này.

l) Giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người

Là trường hợp người phạm tội đã sử dụng công cụ, phương tiện cũng như những thủ đoạn phạm tội mà những công cụ, phương tiện, thủ đoạn phạm tội này đặt trong hoàn cảnh cụ thể có khả năng làm chết nhiều người.

Ví dụ: bỏ thuốc độc vào bể nước, ném lựu đạn, đốt nhà...để giết người mà người phạm tội muốn giết.

Trường hợp người phạm tội thực hiện phương pháp làm chết nhiều người nhưng không ai bị chết thì người phạm tội vẫn bị áp dụng tình tiết giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người và bị xử lý theo khoản 1 Điều 93 BLHS. Tuy nhiên, nếu không có ai bị chết thì người phạm tội được áp dụng Điều 18 BLHS về trường hợp “*giết người chưa đạt*”.

m) Thuê giết người hoặc giết người thuê

Thuê giết người là trường hợp người phạm tội không trực tiếp thực hiện hành vi giết người mà dùng tiền hoặc lợi ích vật chất, tinh thần để thuê người khác thực hiện hành vi phạm tội giết người.

Giết người thuê là hành vi của một người đã thực hiện hành vi giết người vì được người khác thuê. Họ thực hiện hành vi giết người vì tiền hoặc lợi ích vật chất, tinh thần nào đó.

n) Có tính chất côn đồ

Là trường hợp giết người mà người phạm tội đã coi thường các quy tắc xử sự trong cuộc sống, giết người có tính ngang ngược, hung hãn cao độ, coi thường tính mạng của người khác; giết người vô cớ hoặc vì những nguyên do nhỏ nhặt mà giết người.

o) Có tổ chức

Là trường hợp nhiều người tham gia vào một vụ giết người (2 người trở lên) có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện việc giết người; có sự phân công; có kẻ chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, có người thực hành việc giết người.

p) Tái phạm nguy hiểm

Đây là trường hợp trước khi giết người, người phạm tội đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý chưa được xóa án tích mà lại

phạm tội giết người hặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội giết người.

q) Vì động cơ đê hèn

Người phạm tội giết người trong trường hợp này có động cơ phạm tội mang tính xấu xa, phản trắc, bội bạc, hèn hạ ... như: Giết vợ hoặc chồng để tự do lấy vợ hoặc chồng khác; giết vợ hoặc chồng để lấy chồng hoặc vợ nạn nhân; giết người tình mà biết là có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm; giết chủ nợ để trốn nợ v.v...

So với quy định của tội giết người trong BLHS năm 1999, thì trong BLHS năm 2015 có những điểm giống và khác nhau như sau.

Về hình thức: Mức hình phạt tù cũng như tinh thần chung của bộ luật hình sự 2015 được viết bằng số, không viết bằng chữ như Bộ luật hình sự năm 1999. Ví dụ: 07 năm đến 15 năm.

Về bố cục: So với Bộ luật hình sự năm 1999, tội giết người theo Bộ luật hình sự năm 2015 quy định thêm 01 khoản về hành vi chuẩn bị phạm tội giết người, cụ thể tại khoản 3 điều 123 quy định “3. *Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”. Việc quy định cụ thể một khoản về chuẩn bị phạm tội tạo điều kiện thuận lợi cho việc quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội.

Về nội dung:

Điểm giống: Giữ nguyên mức hình phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 từ 07 năm đến 15 năm và từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Điểm khác:

- Cụ thể hóa hành vi “giết nhiều người” quy định tại điểm a khoản 1 điều 93 BLHS năm 1999 thành hành vi cụ thể “Giết 02 người trở lên” để tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật trong trường hợp giết từ 02 người trở lên. Đây là một bước tiến trong quá trình xây dựng luật vì luật nếu để tình tiết giết nhiều người thì sẽ đặt ra câu hỏi trong quá trình áp dụng pháp luật định tội danh là giết bao nhiêu người thì được coi là giết nhiều người.

- Điều 1 của Luật Trẻ em năm 2016 quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi, để phù hợp với tinh thần của Luật trẻ em, để pháp luật được áp dụng thống nhất tại điểm c khoản 1 Điều 93 BLHS năm 1999 quy định tình tiết định khung tăng nặng

“Giết trẻ em”, đến nay tình tiết này đã được đưa lên điểm b khoản 1 điều 123 BLHS năm 2015 và quy định cụ thể là “Giết người dưới 16 tuổi”. Việc quy định như vậy tạo điều kiện thuận lợi hơn cho quá trình áp dụng pháp luật, không phải dẫn chiếu đến luật và điều luật quy định thế nào là trẻ em. Việc thay đổi thứ tự tình tiết này lên vị trí thứ 2 cũng thể hiện tầm quan trọng của việc bảo vệ các quyền nói chung của người dưới 16 tuổi và bảo vệ tính mạng của người dưới 16 tuổi nói riêng.

Như vậy, so với quy định về tội giết người theo điều 93 BLHS năm 1999, Điều 123 BLHS năm 2015 là một sự kế thừa, phát triển trong kỹ thuật lập pháp. Phát huy những mặt phù hợp của điều 93, đồng thời quy định cụ thể hơn, rõ ràng hơn trong các trường hợp cụ thể (như giết trẻ em thay bằng giết người dưới 16 tuổi, trường hợp giết nhiều người là giết 02 người trở lên). Việc quy định như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng áp dụng pháp luật nói chung và hoạt động định tội danh, QĐHP nói riêng dễ dàng, chính xác hơn. Phát huy nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc công bằng, tạo điều kiện áp dụng thống nhất pháp luật.

- Hình phạt đối với tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam

+ Hình phạt chính đối với tội giết người

Theo quy định đối với tội giết người gồm ba loại hình phạt chính là tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình.[20].

Tù có thời hạn là việc buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định. Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là ba tháng, mức tối đa là hai mươi năm. Tù chung thân là hình phạt tù không thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình. Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhằm tước bỏ mạng sống của người phạm tội.

Tội giết người theo quy định tại Điều 93 BLHS gồm có 2 khung. Khung thứ nhất là khung tăng nặng có mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù chung thân hoặc tử hình được áp dụng cho 16 trường hợp sau: giết nhiều người; giết phụ nữ mà biết là có thai; giết trẻ em; giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân; giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;

giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng; để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác; để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; thực hiện tội phạm một cách man rợ; bằng cách lợi dụng nghề nghiệp; bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người; thuê giết người hoặc giết người thuê; có tính chất côn đồ; có tổ chức; tái phạm nguy hiểm và vì động cơ đê hèn.

Khung 2 có hình phạt tù từ 7 năm đến 15 năm. Đây là trường hợp giết người thông thường, không có các tình tiết tăng nặng định khung. Lẽ ra trường hợp phạm tội này phải là cấu thành cơ bản, nhưng do kỹ thuật và truyền thống lập pháp nên đối với tội giết người nhà làm luật xây dựng cấu thành tăng nặng trước, sau đó mới đến cấu thành cơ bản.

So với quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, Bộ luật hình sự năm 2015 cũng quy định hình phạt chính đối với tội giết người là hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình. Khoản 2 cấu thành cơ bản vẫn quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, khoản 1 cấu thành tăng nặng quy định hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Tuy nhiên có bổ sung thêm quy định tại khoản 3 là quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội giết người, mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Đây là một quy định mới thể hiện sự tiến bộ trong quá trình lập pháp hình phạt. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan và người tiến hành tố tụng quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội giết người.

+ Hình phạt bổ sung đối với tội giết người

Hình phạt bổ sung là hình phạt không được tuyên độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm theo một hình phạt chính. Theo quy định tại khoản 3 Điều 93 BLHS năm 1999 thì hình phạt bổ sung được áp dụng đối với tội giết người bao gồm:

“3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm”. [19, tr. 98].

Đây là hình phạt bổ sung kèm theo hình phạt chính Toà án có thể áp dụng trong những trường hợp cần thiết. Đối với tội giết người, nếu Toà án áp dụng hình phạt tử hình đối với người phạm tội thì không thể áp dụng hình phạt bổ sung vì các

hình phạt bổ sung là hình phạt phải thi hành sau khi chấp hành xong hình phạt tù, nếu áp dụng hình phạt bổ sung đối với người bị kết án tử hình sẽ trở thành vô nghĩa. Riêng đối với hình phạt tù chung thân cũng có ý kiến cho rằng, Toà án có thể áp dụng hình phạt bổ sung, vì người bị phạt tù chung thân có thể được giảm thời hạn tù và trên thực tế chưa có người nào bị phạt tù chung thân lại ở tù suốt đời, việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với họ là cần thiết và như vậy mới bảo đảm tính công bằng với người bị phạt tù có thời hạn. Tuy nhiên, hình phạt tù chung thân là hình phạt tù không có thời hạn, nếu Toà án áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội thì khi tuyên án Toà án không thể quyết định cấm cư trú hoặc quản chế người phạm tội mấy năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù, quyết định như vậy xét về góc độ pháp lý là không chính xác, không ai biết được người phạm tội bị phạt tù chung thân đến khi nào thì họ chấp hành xong hình phạt tù.

Khác với Bộ luật hình sự năm 1999, hình phạt bổ sung đối với tội giết người theo bộ luật hình sự năm 2015 được quy định tại khoản 4 điều 123. Đây là thay đổi về bố cục do kỹ thuật lập pháp đã đưa thêm khoản 3 quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội giết người vào khoản 3 điều 123. Hình thức phạt bổ sung quy định tại khoản 4 điều 123 bao gồm các hình thức quy định tại khoản 3 điều 93 BLHS năm 1999. Bao gồm “cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quả chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm”. Tuy nhiên hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 điều 123 BLHS năm 2015 bỏ hình phạt “cấm đảm nhiệm chức vụ”. Thể hiện sự kế thừa và phát triển về hình phạt bổ sung đối với tội giết người của BLHS năm 2015.

1.3. Phân biệt tội giết người với một số tội phạm khác

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, có thể khái quát tội giết người có 4 đặc trưng cơ bản sau đây: Về mặt khác quan của tội phạm, hành vi phạm tội được biểu hiện bao gồm cả hành động và không hành động; hành vi tước đoạt sinh mạng của người khác phải là hành vi trái pháp luật; hành vi trái pháp luật và hậu quả chết người phải có mối quan hệ nhân quả với nhau; hành vi tước đoạt sinh mạng của người khác phải là hành vi được thực hiện với lỗi cố ý (bao gồm cả cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp). Tội giết người có cấu thành vật chất, tuy nhiên trong trường hợp hậu

quả chết người không xảy ra do nguyên nhân khách quan (thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt) thì người thực hiện hành vi phạm tội vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi giết người (Điều 18 BLHS).[42, tr. 11].

Cần chú ý các dấu hiệu đặc trưng của tội giết người và các điểm khác biệt cơ bản giữa tội giết người với một số tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe khác có dấu hiệu tương tự, xảy ra hậu quả chết người để tránh xảy ra tình trạng định tội danh và quyết định hình phạt không đúng. Cụ thể như các tội đe dọa giết người, tội cố gây thương tích hậu quả chết người, tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, tội giết con mới đẻ ... Do đó, để xác định chính xác tội danh cần nắm vững các dấu hiệu đặc trưng của tội giết người và phân biệt với các tội có dấu hiệu tương tự về hành vi và hậu quả chết người sau đây:

*** *Phân biệt tội giết người với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95)***

Nếu so sánh tội giết người (Điều 93) và tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95), tác giả thấy rằng ngoài những điểm giống nhau, hai tội phạm này khác nhau ở những điểm cơ bản sau:

Trạng thái tinh thần của người phạm tội khi giết nạn nhân: Ở tội giết người (Điều 93) trạng thái tinh thần của người phạm tội khi giết nạn nhân không phải là dấu hiệu bắt buộc. Ở tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, thì trạng thái tinh thần của người phạm tội khi giết nạn nhân là dấu hiệu bắt buộc.

Nạn nhân của tội phạm: ở tội giết người (Điều 93), nạn nhân của tội phạm là bất kỳ ai. Còn ở tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì nạn nhân của tội phạm bắt buộc phải là người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội.

Do vậy, để định đúng tội danh, những người tiến hành tố tụng hình sự cần phải nhận thức đúng đắn dấu hiệu “*tinh thần bị kích động mạnh*”. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29 tháng 11 năm 1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: “*Tình trạng tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiểm chế được hành vi phạm tội của mình. Nguyên nhân gây ra tình trạng tinh thần bị kích động mạnh phải là hành vi*

trái pháp luật của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội”.[26]. Như vậy, theo hướng dẫn này, trường hợp người phạm tội giết nạn nhân trong tình trạng tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân nhưng chưa đến mức độ mạnh thì truy cứu TNHS về tội giết người (Điều 93). Chỉ truy cứu TNHS về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95) những trường hợp tinh thần của người phạm tội bị kích động mạnh. Để có thể xác định tinh thần của người phạm tội có bị kích động mạnh hay không cần xem xét một cách khách quan, toàn diện tất cả những tình tiết liên quan như: thời gian, địa điểm, hoàn cảnh xảy ra sự việc, nguyên nhân sâu sa và trực tiếp gây ra sự việc; mối quan hệ của nạn nhân với người phạm tội, tính tình, cá tính của mỗi bên, mức độ nghiêm trọng của hành vi trái pháp luật của nạn nhân...

**** Phân biệt tội giết người với tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96)***

Nghiên cứu các quy định của BLHS hiện hành về hai tội phạm này cho thấy, bên cạnh những điểm giống nhau, còn có một số điểm khác nhau cơ bản sau đây:

- Chủ thể của tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải là người theo quy định của pháp luật có quyền phòng vệ chính đáng, tức là quyền chống trả một cách cần thiết người đang có hành vi xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, của bản thân hay của người khác. Như vậy, động cơ hành động của chủ thể là động cơ bảo vệ lợi ích hợp pháp, nhưng do thực hiện biện pháp phòng vệ quá mức cần thiết, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại dẫn đến phạm tội. Trong khi đó chủ thể của tội giết người (Điều 93) không xuất phát từ động cơ phòng vệ khi thực hiện hành vi giết người.

- Nạn nhân của tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải là người có hành vi bất hợp pháp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, lợi ích chính đáng của con người.

**** Phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người (Khoản 3 điều 104)***

Nghiên cứu các quy định của BLHS hiện hành về hai tội phạm này cho thấy, bên cạnh những điểm giống nhau, còn có một số điểm khác nhau cơ bản sau đây:

- Mặc dù mặt chủ quan của hai tội này giống nhau vì đều là tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý, nhưng nội dung của sự cố này có khác nhau: cố ý giết người là cố ý tước đoạt sinh mạng người khác; cố ý gây thương tích là cố ý làm cho người khác bị thương chứ không muốn người đó chết, việc người bị hại chết là ngoài ý thức chủ quan của người phạm tội.

- Khách thể bị xâm phạm của tội giết người là tính mạng con người; còn khách thể bị xâm phạm của tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người là sức khỏe con người, mặc dù có hậu quả chết người, nhưng người phạm tội không nhằm mục đích giết người nên không phải là khách thể của tội này.

- Mặt khách quan của hai tội giống nhau ở hành vi nhưng lại khác nhau về hậu quả và mối quan hệ nhân quả: Hậu quả chết người của tội giết người là hậu quả do chính hành vi của người phạm tội trực tiếp gây nên, ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác, nó là dấu hiệu thuộc mặt khách quan của tội phạm; Hậu quả chết người ở tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người không chỉ do hành vi của người phạm tội gây nên, vì hành vi của người phạm tội không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến chết người mà nạn nhân chết còn do những nguyên nhân khác.

*** Phân biệt tội giết người với tội giết con mới đẻ (Điều 94)**

“ Tội giết người” và “ Tội giết con mới đẻ” đây là hai tội được tách ra từ khoản 4 Điều 101 BLHS năm 1985, vì nếu quy định trường hợp giết con mới đẻ cũng là tội giết người như tội giết người quy định tại Điều 93 BLHS thì không thể hiện đầy đủ bản chất của tội phạm. Bởi vì, khi tuyên án Tòa án vẫn phải kết án người phạm tội về tội giết người, nhưng hình phạt lại chỉ có 2 năm tù là cao nhất, chưa kể về hậu quả pháp lý và xã hội đối với người phạm tội nặng nề. Hai tội này có nhiều điểm giống và khác nhau cụ thể như sau:

Giống nhau: Về khách thể đều là xâm phạm đến tính mạng của người khác; về mặt khách quan là hành vi tước đoạt sinh mạng của người khác một cách trái pháp luật bằng nhiều cách tác động khác nhau chứa đựng khả năng thực tế gây ra

hậu quả chết người và đòi hỏi hậu quả chết người xảy ra; về mặt chủ quan người phạm tội thực hiện tội phạm do lỗi cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp.

Khác nhau: Về khách thể của tội giết con mới đẻ là trẻ em mới sinh trong 7 ngày tuổi. Còn nạn nhân của tội giết người là bất kỳ người nào đang sống. Mặt khách quan của tội giết người là hành vi giết người có thể ở dạng hành động hoặc không hành động, nhưng hành vi giết con mới đẻ thường thể hiện ở dạng hành động như bóp cổ, cho uống thuốc độc hoặc vứt bỏ đứa trẻ đó không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng dẫn đến đứa trẻ đó chết. Chủ thể của tội giết người là bất kỳ người nào từ đủ 14 tuổi trở lên, còn tội giết con mới đẻ chủ thể là người mẹ do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết hoặc vứt bỏ đứa con mới đẻ dẫn đến hậu quả đứa trẻ bị chết. Ngoài người mẹ của nạn nhân ra, không ai có thể là chủ thể của tội phạm này.

Những vấn đề cần lưu ý: Có trường hợp ngay cả là mẹ của nạn nhân nhưng vì lý do khác mà giết con mình vừa đẻ ra trong vòng 7 ngày tuổi thì không thuộc trường hợp phạm tội này mà có thể là tội giết người. Hậu quả của tội giết con mới đẻ đòi hỏi đứa trẻ phải chết.

Kết luận chương 1

Trong chương này, tác giả đã tiến hành khái quát hóa quá trình lập pháp hình sự Việt Nam về tội giết người, từ trước khi ban hành BLHS năm 1985 đến nay. Đi sâu phân tích làm rõ khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội giết người, phân tích làm rõ khách thể, mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan của tội giết người; đồng thời phân tích để làm rõ hình phạt chính, hình phạt bổ sung đối với tội danh này.

Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, tội giết người là xâm phạm đến tính mạng của người khác một cách trái pháp luật, do người có đủ năng lực TNHS và đạt độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật. Nghĩa là không phải bất kỳ người nào có hành vi tước đoạt tính mạng của người khác đều phải chịu TNHS về tội giết người. Người thực hiện hành vi tước đoạt tính mạng của người khác chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người đòi hỏi phải thỏa mãn các dấu hiệu pháp lý cấu thành tội phạm của tội giết người.

Chương 2

ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

2.1. Thực tiễn định tội danh tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định

2.1.1. Khái quát lý luận về định tội danh tội giết người

2.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của định tội danh tội giết người

Định tội danh tội giết người là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung quan trọng của quá trình áp dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống. Định tội danh tội giết người còn là tiền đề, là cơ sở cho việc áp dụng các quy phạm pháp luật khác của luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, làm cơ sở cho việc xác định thẩm quyền, xác định thời hạn hay áp dụng hình phạt ...

Theo GS.TS Võ Khánh Vinh: “*Định tội danh là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự bao gồm việc tiến hành đồng thời 3 quá trình:*

1. *Xác định đúng, khách quan các tình tiết thực tế của vụ án;*
2. *Nhận thức đúng nội dung của các quy định trong bộ luật hình sự;*
3. *Lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự tương ứng để đối chiếu chính xác, đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong quy phạm đó với các tình tiết của hành vi được thực hiện trong thực tế, trên cơ sở đó đưa ra kết luận có cơ sở, có căn cứ về sự đồng nhất giữa hành vi thực tế đã được thực hiện với cấu thành tội phạm được quy định trong điều hoặc khoản của điều luật tương ứng. Kết luận đó được trình bày dưới dạng văn bản áp dụng pháp luật”*. [49, tr. 17].

Như vậy định tội danh tội giết người diễn ra theo quá trình sau đây:

Thứ nhất, xác định các tình tiết của vụ án

Quá trình thực hiện các hoạt động tố tụng để định tội danh tội giết người, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án cần phải xác định được tất cả các tình tiết của vụ án phù hợp với hiện thực khách quan. Để đạt được điều đó cần phải áp dụng các biện pháp được Bộ luật tố tụng hình sự cho phép, có nghĩa là không được dùng những biện pháp trái với quy định của pháp luật để thu thập chứng cứ. Đồng thời những chứng cứ đã thu thập được phải đánh giá theo đúng quy định của pháp luật.

Để định tội danh tội giết người đúng, cần phải xác định đúng chân lý khách quan, chân lý vật chất về vụ án, tức là xác định đầy đủ và chính xác các tình tiết cần thiết của hành vi phạm tội giết người. Các tình tiết này liên quan đến khách thể, chủ thể, mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm.

Xác định sự thật khách quan là tiến hành điều tra và xét xử vụ án về tội giết người một cách vô tư, không định kiến, không suy diễn mà phải dựa vào những chứng cứ đã thu thập được và đánh giá theo quy định của pháp luật. Việc nhận thức chân lý về vụ án phải tuân theo những quy tắc logic nhất định như việc nhận thức mọi sự vật hiện tượng của hiện thực khách quan theo phương pháp nhận thức của triết học Mác-Lênin. Như vậy, xác định sự thật của vụ án một cách toàn diện và đầy đủ tức là xem xét hành vi phạm tội giết người trên các mặt của các yếu tố cấu thành tội phạm trong tổng thể, không tách rời nhau. Cần phải thu thập, kiểm tra và đánh giá tất các chứng cứ thu thập được: chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, chứng cứ trực tiếp, chứng cứ gốc, chứng cứ sao chép, các lời khai và vật chứng ...

Thứ hai, nhận thức đúng nội dung của các quy định trong Bộ luật hình sự

Nhận thức đúng các quy định của Bộ luật hình sự về tội giết người có ý nghĩa rất lớn đối với việc định tội danh tội này. Việc tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật hình sự trong việc định tội danh là điều kiện tiên quyết, cần thiết và quan trọng trong việc thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta nhằm đẩy lùi và tiến tới ngăn chặn tình hình tội giết người. Để định tội danh tội giết người đúng người tiến hành tố tụng phải lựa chọn đúng quy phạm pháp luật, đối chiếu, so sánh chính xác, đầy đủ các dấu hiệu tội phạm được quy định trong điều luật, trong từng khoản, từng điểm của điều luật đó với các tình tiết của hành vi phạm tội đã được thực hiện trên thực tế.

Định tội danh tội giết người có nghĩa là tuân thủ chính xác các quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, áp dụng điều luật, khoản và điểm của Điều 93 BLHS năm 1999 và Điều 123 BLHS năm 2015. Trong các điều luật đó có nhiều khoản, nhiều điểm thì phải chỉ ra áp dụng khoản nào, điểm nào. Trong từng trường hợp cụ thể còn cần phải vận dụng các quy định tại phần chung của BLHS như quy định về độ tuổi, chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt ...

Ngoài ra khi phân định các loại vi phạm pháp luật cần đặc biệt lưu ý tới khái niệm tội phạm trong Điều 8 BLHS, trong đó có đề cập tới các dấu hiệu của tội phạm. Trước hết đó là tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Đây là dấu hiệu quan trọng thể hiện rõ nội dung chính trị, xã hội của tội phạm, là cơ sở đầu tiên để giải thích một hành vi là tội phạm và bị trừng trị bằng các biện pháp tác động hình sự. Nhưng không thể nói một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà không đề cập tới tính có lỗi. Lỗi của người phạm tội có quan hệ mật thiết không thể tách rời với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Lỗi thể hiện thái độ tâm lý của một người phạm tội đối với hành vi và hậu quả của hành vi. Đặc điểm của tội phạm còn thể hiện ở tính trái pháp luật hình sự của hành vi. Tức là một hành vi chỉ bị coi là tội phạm khi nó được quy định trong BLHS.

Một trong những đòi hỏi của nguyên tắc pháp chế và nguyên tắc công bằng là quá trình định tội danh tội giết người phải đầy đủ những hành vi phạm tội đã thực hiện. Tính đầy đủ của việc định tội danh ở chỗ thực tiễn có bao nhiêu hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện do các điều luật của Bộ luật hình sự quy định là tội phạm, thì phải được định bấy nhiêu tội danh.

Xuất phát từ bản chất của việc định tội danh tội giết người là việc tìm kiếm sự đồng nhất, sự phù hợp của các dấu hiệu của các hành vi nguy hiểm cụ thể cho xã hội đã được thực hiện trên thực tế với các dấu hiệu tương ứng của tội phạm đã được quy định trong bộ luật hình sự. Có thể thấy rằng cấu thành tội giết người là cơ sở pháp lý của việc định tội danh này. Quy phạm pháp luật hình sự quy định về tội giết người và các tình tiết thực tế của vụ án là hai nhóm hiện tượng được hợp nhất, thống nhất của quá trình định tội danh. Cấu thành tội giết người cụ thể là tổng hợp những dấu hiệu cơ bản được quy định trong luật, đặc trưng cho tội này và do đó nó là cơ sở pháp lý của việc định tội danh. Vì vậy, để định tội danh đúng tội giết người đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng phải nắm vững nội dung của cấu thành tội phạm và các dấu hiệu của tội giết người. Để hiểu đúng, chính xác nội dung của cấu thành tội giết người cần dựa vào hệ thống các quy phạm pháp luật hình sự, việc giải thích, hướng dẫn và tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự ...

Thứ ba, xác định mối quan hệ giữa các dấu hiệu thực tế và các dấu hiệu được quy định trong luật.

Việc định tội danh tội giết người không phải là một hoạt động đơn giản chỉ cần biết tuân thủ các đòi hỏi của luật mà đó là hoạt động pháp lý phức tạp, một dạng hoạt động nhận thức của người tiến hành định tội danh và hoạt động đó phải tuân thủ các giai đoạn của nó. Trong hoạt động thực tế của mình, người tiến hành tố tụng tiến hành 2 mặt của quá trình định tội danh. Một mặt, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ xác định các tình tiết thực tế của vụ án, mặt khác tiến hành tìm hiểu và phân tích các quy định của các quy phạm pháp luật hình sự để nhận thức đúng đắn nội dung của nó. Bằng cách đó tạo ra các tiền đề cho quá trình thực hiện trực tiếp quá trình định tội danh. Quá trình đó được tiến hành bằng cách đối chiếu, so sánh các tình tiết thực tế của vụ án đã được xác định với các dấu hiệu được chỉ ra trong quy phạm pháp luật hình sự quy định về cấu thành tội phạm.

Khi định tội danh tội giết người, trước tiên, cần làm rõ các dấu hiệu chung nhất đặc trưng của hành vi giết người. Ở giai đoạn này, người tiến hành hoạt động áp dụng pháp luật hình sự giải quyết vấn đề hành vi giết người cụ thể đang được xem xét có dấu hiệu của tội giết người hay không, hay là hành vi đó là hành vi vi phạm pháp luật hành chính hay dân sự. Việc xem xét này phải căn cứ vào điều 8 của Bộ luật hình sự quy định về các dấu hiệu của tội phạm

Có thể phân chia quá trình định tội danh tội giết người ra làm 3 giai đoạn cơ bản:

Giai đoạn thứ nhất: Làm rõ những dấu hiệu chung nhất đặc trưng của hành vi, hành vi có dấu hiệu tội phạm hay vi phạm pháp luật khác. Tội phạm khác hành vi vi phạm pháp luật khác ở mức độ của tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi gây ra. Khi đánh giá tính nguy hiểm cho xã hội có thể dựa vào những căn cứ sau: Tính chất của phương pháp, thủ đoạn, công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; tính chất của động cơ; mức độ lỗi; nhân thân người phạm tội.

Giai đoạn thứ 2, những người tiến hành định tội danh làm sáng tỏ các dấu hiệu của hành vi phạm tội, tức là làm sáng tỏ hành vi phạm tội đó thuộc cấu thành nào của tội giết người trong Bộ luật hình sự.

Giai đoạn thứ 3, trên cơ sở làm sáng tỏ và so sánh các dấu hiệu của tội phạm, chỉ rõ cấu thành tội phạm cụ thể nào của tội giết người được áp dụng; cấu thành cơ bản, cấu thành tăng nặng hay cấu thành giảm nhẹ trong giới hạn của điều luật về tội giết người.

Cả 3 giai đoạn nêu trên có thể tiến hành độc lập hoặc có thể tiến hành đồng thời với nhau, không phân chia trong hoạt động nhận thức của người định tội danh.

Việc xác định đầy đủ, chính xác các tình tiết thực tế của vụ án và việc nhận thức đúng nội dung của quy phạm pháp luật hình sự liên quan đến tội giết người đã thực hiện là các tiền đề cần thiết cho việc nhận thức đầy đủ, đúng đắn về mối liên hệ giữa các tình tiết thực tế của hành vi và các dấu hiệu của cấu thành tội giết người quy định trong pháp luật hình sự.

Như vậy, *“Định tội danh là một dạng hoạt động nhận thức, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện, nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định cấu thành tội phạm tương ứng và mối liên hệ tương đồng giữa các dấu hiệu của cấu thành tội phạm với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định”*. [49, tr. 18-27]. Định tội danh tội giết người cũng không phải ngoại lệ.

2.1.1.2 Cơ sở pháp lý của định tội danh tội giết người

Cơ sở pháp lý của việc tiến hành định tội danh: cơ sở pháp lý trực tiếp định tội danh đó là Bộ luật hình sự; cơ sở pháp lý gián tiếp là Bộ luật tố tụng hình sự và cấu thành tội phạm là mô hình pháp lý cụ thể của việc định tội danh, đối với quá trình định tội giết người, quan trọng và chủ yếu để xác định loại tội này vẫn và các dạng hành vi khách quan và ý thức chủ quan được mô tả trong cấu thành tội phạm quy định tại Điều 93 BLHS năm 1999 và nay là Điều 123 BLHS năm 2015.

Pháp luật hình sự có ý nghĩa quan trọng trong quá trình định tội danh tội giết người. Trước hết, pháp luật hình sự là cơ sở pháp lý của định tội danh. Bởi vì, bản chất của quá trình định tội danh là tìm sự giống nhau giữa các dấu hiệu của một hành vi nguy hiểm cho xã hội với các dấu hiệu tương ứng trong định nghĩa về loại tội phạm nào đó được quy định trong pháp luật hình sự. Pháp luật hình sự là cơ sở

pháp lý của việc xác định một hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra trong thực tế là tội phạm hay pháp luật hình sự là cơ sở pháp lý của định tội danh. [49, tr. 61].

- Các quy phạm pháp luật hình sự được áp dụng khi định tội danh tội giết người

BLHS nước ta gồm hai phần là quy phạm pháp luật phần chung và quy phạm pháp luật phần các tội phạm. Trong đó, phần chung quy định nhiệm vụ, các nguyên tắc, các chế định cơ bản của Luật hình sự Việt Nam. Nhưng nội dung phần chung không nêu các dấu hiệu cụ thể của bất kỳ hành vi phạm tội nào. Phần chung và phần các tội phạm của BLHS có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Việc áp dụng phần các tội phạm phải dựa trên các luận điểm chung và các nguyên tắc được quy định ở phần chung của BLHS. Tinh tiết đó phải được cân nhắc khi tiến hành định tội danh hành vi nguy hiểm cho xã hội. Định tội danh tội giết người là việc đối chiếu dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện với dấu hiệu trong mô hình tội phạm giết người, xác định sự giống nhau của một tình huống cụ thể đã xảy ra trong cuộc sống với một trường hợp đã được nêu trong pháp luật hình sự.

Khi tiến hành định tội danh một hành vi nguy hiểm cho xã hội cần phải căn cứ vào cả quy phạm phần chung lẫn quy phạm phần các tội phạm của BLHS, đồng thời phải viện dẫn một cách chính xác và đầy đủ điều, khoản hay một điều luật có liên quan, bao quát được toàn bộ hành vi nguy hiểm cho xã hội được nêu trong phần các tội phạm của BLHS, nhưng cần đặc biệt lưu ý tới hiệu lực về không gian và thời gian của điều khoản được viện dẫn. Có như vậy thì việc định tội danh mới đảm bảo có đủ cơ sở pháp lý để truy cứu TNHS đối với người thực hiện hành vi đó. [49, tr. 65]. Như vậy khi tiến hành định tội danh tội giết người cũng phải căn cứ cả quy phạm phần chung và quy phạm phần các tội phạm tại Điều 93 BLHS năm 1999 và Điều 123 của BLHS năm 2015.

- Cấu thành tội phạm - mô hình pháp lý của định tội danh tội giết người

Cấu thành tội phạm là một sự trừu tượng mang tính khoa học, là mô hình chung nhất cho tất cả các hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc cùng loại. Bởi vậy, cấu thành tội phạm không đề cập tới tất cả các dấu hiệu, đặc điểm của tội phạm ấy,

mà chỉ đề cập tới dấu hiệu điển hình nhất, lặp đi, lặp lại trong các hành vi tội phạm cùng loại đó, nói lên bản chất của loại tội phạm đó.

Như vậy, cấu thành tội phạm là cơ sở pháp lý duy nhất của việc định tội danh, là mô hình pháp lý có dấu hiệu cần và đủ để truy cứu TNHS, để định tội danh đúng thì người định tội danh phải biết đánh giá các dấu hiệu trong mô hình tội phạm trên cơ sở ý thức pháp luật của họ và các tình tiết xảy ra trong thực tế.

Đối với mỗi loại tội phạm có thể có ba dạng cấu thành tội phạm phản ánh ba trường hợp phạm tội mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau một cách cơ bản.

Cấu thành tội phạm cơ bản là cấu thành tội phạm chỉ có dấu hiệu định tội.

Cấu thành tội phạm tăng nặng là cấu thành tội phạm ngoài dấu hiệu định tội còn có thêm dấu hiệu định khung tăng nặng, tức dấu hiệu phản ánh tội phạm có mức độ nguy hiểm cho xã hội tăng lên một cách đáng kể.

Cấu thành tội phạm giảm nhẹ là cấu thành tội phạm ngoài dấu hiệu định tội còn có thêm dấu hiệu định khung giảm nhẹ, tức dấu hiệu phản ánh tội phạm có mức độ nguy hiểm cho xã hội giảm xuống một cách đáng kể.

Cơ sở pháp lý định tội danh tội giết người được quy định tại Điều 93 BLHS năm 1999 gồm cấu thành tội phạm cơ bản (Khoản 2 Điều 93) và cấu thành tội phạm tăng nặng (khoản 1 Điều 93); tại Điều 123 BLHS năm 2015 gồm cấu thành tội phạm cơ bản (khoản 2 Điều 123), cấu thành tội phạm tăng nặng (khoản 1 Điều 123) và chuẩn bị phạm tội giết người (khoản 3 Điều 123).

Việc quy định rõ ràng, cụ thể, chính xác các cấu thành tội phạm ở phần các tội phạm có ý nghĩa chính trị - xã hội, ý nghĩa pháp lý hình sự và ý nghĩa thực tiễn rất lớn, bởi vì cấu thành tội phạm thực hiện ba chức năng cơ bản:

+ Chức năng nền tảng thể hiện ở chỗ việc hiện có trong hành vi của con người những dấu hiệu của cấu thành tội phạm là cơ sở cần và đủ của TNHS. Trên cơ sở cấu thành tội phạm hay không phải là tội phạm.

+ Chức năng phân biệt thể hiện ở chỗ việc mô tả chính xác trong phần quy định của BLHS các dấu hiệu của cấu thành tội phạm bảo đảm cho việc phân biệt tội phạm này với tội phạm khác, khung hình phạt này với khung hình phạt khác. Từ đó

giúp cho Tòa án lựa chọn các biện pháp hình sự phù hợp đối với người phạm tội, bảo đảm hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm.

+ Chức năng bảo đảm thể hiện ở chỗ hành vi của người nào không có đầy đủ dấu hiệu của cấu thành tội phạm, thì người đó không phải chịu TNHS và hình phạt. Nó đảm bảo cho việc không xét xử oan người không phạm tội.

2.1.2. Thực tiễn định tội danh tội giết người theo cấu thành cơ bản

2.1.2.1. Định tội danh đúng và nguyên nhân

Định tội danh tội giết người là quá trình đối chiếu những tình tiết thực tế của tội phạm đã thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành của tội phạm giết người. Tội phạm là một thể thống nhất gồm 4 yếu tố: khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan. Khi định tội danh cần phải hiểu rằng sự phân chia các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm theo 4 yếu tố nêu trên là tương đối, các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm tồn tại trong một thể thống nhất thống nhất tạo nên các cấu thành tội phạm riêng biệt. Từ đó phân tích, hiểu được các yếu tố, các mối quan hệ lẫn nhau giữa các yếu tố trong một cấu thành tội phạm, đồng thời hiểu được tính độc lập tương đối của chúng trong quá trình tiến hành định tội danh. Từ đó góp phần làm cho việc định tội danh được chính xác.

Từ 01/01/2011 đến 31/12/2015, số vụ án giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định được đưa ra xét xử là 43 vụ, 86 bị cáo, trên tổng số 375 vụ, 660 bị cáo về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, chiếm tỷ lệ 11,4%, tính theo số vụ (Xem bảng phụ lục 2.1, bảng phụ lục 2.2).

Theo dõi bảng số liệu trên đã cho thấy tình hình tội phạm giết người xảy ra trên địa bàn tỉnh Nam Định trong thời gian qua có diễn biến phức tạp. Tỷ lệ án giết người chiếm 11,4 % trong tổng số các vụ án xâm phạm tính mạng sức khỏe của người khác. Cũng từ kết quả đó cho thấy, tuy có năm tội giết người giảm lại, nhưng đa số đều tăng qua từng năm. Tình trạng này đang báo động về việc sử dụng bạo lực một cách nguy hiểm, luôn đe dọa quyền sống của con người ở bất cứ lúc nào, nhất là đối với tầng lớp trẻ trong xã hội.

Theo số liệu thống kê liên ngành, trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã xét xử tổng số 327 vụ, 808 bị cáo; trong đó số

vụ án, bị cáo phạm tội giết người 43 vụ, 86 bị cáo, chiếm tỷ lệ 13% số vụ và 10,6% số bị cáo (Xem bảng phụ lục 2.3).

Tội giết người là tội phạm đặc biệt nguy hiểm, không những tước đoạt mạng sống của con người mà còn gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho gia đình, người thân của nạn nhân, gây ra sự phẫn nộ, lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự xã hội. Nhận thức được vấn đề đó, trong những năm qua các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Nam Định đã tập trung chỉ đạo, phát huy tối đa mọi khả năng, lực lượng, biện pháp để điều tra, khám phá, xét xử nhanh chóng và có hiệu quả các vụ án giết người xảy ra, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Vụ án Lã Doãn Thủy phạm tội giết người dưới đây là một minh chứng cho nhận xét trên.

Do có mâu thuẫn trong việc đòi tiền nợ, khoảng 21h00 ngày 13/7/2011, tại hiệu cầm đồ Lã Tuấn, số 01 Tràng Thi, phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, anh Trần Văn Dũng đã có hành vi dùng dao chém vào tay Lã Doãn Thủy, Lã Doãn Thủy chạy vào nhà lấy khẩu súng bắn đạn ghém hoa cải ra và đã dùng bắn một phát vào mặt bên phải anh Trần Văn Dũng. Hậu quả làm anh Dũng bị nhiều vết thương vùng mặt làm vỡ sập xương gò má phải, xương thái dương, xương trán, nhãn cầu phải, dập não và chết trên đường đi cấp cứu.

Lã Doãn Thủy bị khởi tố, điều tra, truy tố về tội giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS năm 1999.

Ngày 21/01/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định áp dụng khoản 2 điều 93 BLHS; các điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS xử phạt Lã Doãn Thủy 3 năm 6 tháng tù về tội Giết người.

Ngày 28/01/2013, đại diện hợp pháp cho bị hại kháng cáo đề nghị xử lý Lã Doãn Thủy về tội giết người có tính chất côn đồ, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và xử lý thêm bị cáo tội danh Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

Ngày 02/02/2013, bị cáo Lã Doãn Thủy kháng cáo cho rằng tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội giết người theo khoản 2 điều 93 là không đúng tội, đề nghị

Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tình tiết giảm nhẹ tinh thần bị kích động mạnh đối với bị cáo.

Ngày 28/5/2013, tại Bản án phúc thẩm số 319/2013/HSPT của Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội quyết định: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp cho người bị hại, y án sơ thẩm đối với bị cáo[32].

Nguyên nhân kết quả đạt được của vụ án trên do các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định đã đánh giá đúng hành vi phạm tội của bị cáo, hiểu đúng đúng các quy định về có tính chất côn đồ, yếu tố tinh thần bị kích động mạnh nên đã đưa ra một bản án đúng pháp luật được cấp trên chấp nhận.

Trong thời gian năm năm từ năm 2011 đến năm 2015 Tòa áp cấp tỉnh thụ lý giải quyết án sơ thẩm tổng số 327 vụ, 808 bị cáo. Trong đó án giết người 43 vụ, 86 bị cáo chiếm tỷ lệ 13% số vụ án. Trong 43 vụ án 86 bị cáo án giết người có 22 vụ, 26 bị cáo kháng cáo và kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm (Xem bảng phụ lục 2.4). Kết quả Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử y án 11 vụ, 12 bị cáo, sửa án 11 vụ, 14 bị cáo, không có vụ nào bị hủy án điều tra xét xử lại theo thủ tục chung. Điều đó thể hiện trước sự diễn biến của tình hình tội phạm ngày càng phức tạp, tinh vi, xảo quyệt, nhưng với sự cố gắng nỗ lực, phấn đấu của các cơ quan có thẩm quyền và sự quan tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền, trong thời gian qua các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc phát hiện và xử lý tội phạm nói chung trong đó có tội phạm xâm phạm tính mạng của người khác nói riêng. Không có xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Đảm bảo nguyên tắc công bằng, tạo được sự đồng tình của quần chúng nhân dân.

- Tuy nhiên cùng có những vụ án quá trình điều tra thu thập chứng cứ không đầy đủ dẫn đến phải trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng để củng cố chứng cứ định tội danh đối với bị cáo.

Vụ án Lã Doãn Thủy dùng súng bắn chết anh Trần Văn Dũng nêu trên:

Ngày 31/7/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định có bản Kết luận điều tra số 126 đề nghị Viện KSND tỉnh Nam Định truy tố Lã Doãn Thủy về tội Giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS. Viện KSND tỉnh Nam Định nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy có nhiều tình tiết cần phải làm rõ mới đủ căn cứ định tội danh

đôi với Thủy là tội Giết người hay Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Ngày 13/9/2012, Viện KSND tỉnh Nam Định đã ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 81, yêu cầu điều tra bổ sung: “1. Thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường hiệu cầm đồ Lã Tuấn để xác định hệ thống cửa ra vào, cầu thang, gác xép. 2. Hỏi cung bị can Lã Doãn Thủy, lấy lời khai các nhân chứng có mặt tại hiệu cầm đồ Lã Tuấn để xác định vị trí, tư thế Thủy cầm khẩu súng, hướng của nòng súng khi Thủy bắn chết anh Dũng. 3. Ai là người đại diện của bị hại Trần Văn Dũng. 4. Tiếp tục điều tra các đối tượng mang theo hung khí đến hiệu cầm đồ Lã Tuấn”.

Ngày 08/11/2012, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã có bản kết luận điều tra bổ sung về các vấn đề trên. Ngày 30/11/2012, Viện KSND tỉnh Nam Định ra cáo trạng số 57 truy tố Lã Doãn Thủy ra xét xử về tội Giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS. Ngày 21/01/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định áp dụng khoản 2 điều 93 BLHS; các điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS xử phạt Lã Doãn Thủy 3 năm 6 tháng tù về tội giết người.

Nguyên nhân xảy ra tình trạng nêu trên là do quá trình điều tra đã chưa làm rõ được hành vi của bị can thuộc cấu thành tội nào theo quy định của BLHS, bỏ sót nhiều chứng cứ cần phải thu thập, không tiến hành thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường vụ án dẫn đến kết thúc điều tra cơ quan truy tố chưa thể kết luận được hành vi của Thủy nên phải trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

Việc thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng trình tự tố tụng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giải quyết vụ án nói chung, quá trình định tội danh nói riêng. Trong vụ án nêu trên tòa án trả hồ sơ yêu cầu bổ sung chứng cứ, do vật mang chứng cứ không thay đổi nên có thể thu thập bổ sung được. Nhưng nếu trong một số trường hợp cụ thể như quá trình khám nghiệm tử thi xác định thương tích hoặc nguyên nhân chết không đầy đủ phải khai quật tử thi, nhưng trong giai đoạn hiện nay nhiều địa phương và gia đình không áp dụng phương pháp địa táng truyền thống mà áp dụng phương pháp hỏa thiêu nên nếu quá trình khám nghiệm tử thi không đầy đủ mà nạn nhân bị giết đã hỏa thiêu thì không thể khai quật tử thi để thu thập chứng cứ được nữa.

Dưới đây luận văn lần lượt phân tích định tội danh tội giết người theo các yếu tố cấu thành cơ bản

- Định tội danh theo khách thể của tội phạm:

Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ khỏi sự xâm hại của hành vi phạm tội. Tội giết người có khách thể loại là tính mạng, sức khỏe của con người được quy định tại chương XII BLHS. Khách thể trực tiếp của tội giết người là tính mạng của người khác bị xâm hại.

Nhận thức đúng về khách thể của tội giết người đã giúp cho việc định tội danh của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định được chính xác. Trong thời gian 5 năm từ 2011 – 2015 không có vụ án nào bị cấp phúc thẩm tuyên hủy án sơ thẩm do sai lầm trong việc định tội danh theo khách thể của tội phạm.

Vụ án Nguyễn Văn Quân cùng đồng bọn phạm tội Giết người là một ví dụ:

Ngày 28/01/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã đưa ra xét xử công khai đối với Nguyễn Văn Quân cùng đồng bọn về tội giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS. Tại phiên tòa quan điểm tranh tụng của luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng các bị cáo chỉ phạm tội cố ý gây thương tích, không phạm tội giết người với luận điểm các bị cáo không có ý thức giết người bị hại là anh Hân và anh Hân chỉ bị thương tích 73% sức khỏe, như vậy là không xâm phạm đến khách thể loại của tội giết người là tính mạng của anh Hân và chỉ gây thương tích cho anh Hân. Tuy nhiên, tại bản án số 11/2016/HSST ngày 28/01/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã tuyên bố các bị cáo phạm tội giết người và áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo. Với nhận định tuy anh Hân không chết nhưng hành vi khách quan đã thể hiện ý thức chủ quan của các bị cáo là tước đoạt tính mạng của anh Hân. Khách thể bị xâm hại là tính mạng của anh Hân, không phải là thương tích. Thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.[38].

Vụ án này là ví dụ nói lên mối liên hệ giữa hành vi phạm tội thuộc mặt khác quan của tội phạm với ý thức chủ quan của tội phạm và khách thể bị xâm hại.

- Định tội danh tội giết người theo mặt khách quan của tội phạm:

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của hành vi phạm tội do Bộ luật hình sự quy định, bao gồm: Hành vi phạm tội, hậu quả nguy hại, mối quan

hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra; ngoài ra còn một số yếu tố khác như hoàn cảnh, thời gian, công cụ, phương tiện phạm tội ...

Mặt khách quan của tội giết người là hành vi tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi tước đoạt tính mạng người khác và hậu quả xảy ra.

Việc định tội danh tội giết người theo mặt khách quan của tội phạm giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định trong kỳ điều đảm bảo chính xác. Không bị cấp trên cải, sửa hoặc hủy án.

Vụ án Cù Xuân Liệu phạm tội Giết người: Vụ án xảy ra xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Khi vụ án xảy ra, có nhiều quan điểm tranh luận về hành vi của Liệu phạm tội “Giết người” hay tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Tuy nhiên trên cơ sở đánh giá chính xác, toàn diện hành vi thực tế của bị cáo, yếu tố lỗi của người bị hại và trạng thái tinh thần của chủ thể khi thực hiện hành vi phạm tội các cơ quan tiến hành tố tụng đã định tội danh đúng với hành vi của Cù Xuân liệu là tội Giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS.

Trưa ngày 12/01/2012. Anh Trịnh Văn Tường, sinh năm 1990 và Cù Xuân Dương, sinh năm 1969 đều trú tại Ba Khu, xã yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định có hành vi dùng tay đâm vào mặt ông Dương. Ông Dương đang ôm mặt đi vào thì gặp con trai là Cù Xuân Liệu, sinh năm 1993. Liệu hỏi ông Dương: “Bố làm sao vậy?”, ông Dương trả lời là bị Tường đánh. Liệu bực tức chạy đến mặt bể nước nhà ông Sơ lấy một con dao bầu giấu vào túi quần bỏ rồi chạy ra ngõ thấy Tường đang hung hăng chửi bới và mọi người đang can ngăn Tường. Liệu rút con dao trong túi quần ra cầm dao bằng tay phải đâm một nhát vào ngực và chém 2 nhát vào đầu làm Tường gục ra đường. Mọi người đưa Tường về nhà thì Tường tử vong.

Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã tuyên phạt Cù Xuân Liệu 07 năm 06 tháng tù về tội Giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS[38].

Việc định tội danh đúng đối với vụ án nêu trên là do cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định đã nhận thức đúng mặt khách quan của tội giết người và giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Hành vi

của anh Tường chỉ là vi phạm nhỏ, không phải là lỗi trái pháp luật nghiêm trọng đối với ông Đương và Liệu. Mặt khách quan của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh khác với hành vi của tội giết người là trường hợp trạng thái tâm lý của người phạm tội không hoàn toàn tự chủ bởi yếu tố khách quan đó là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với bản thân người phạm tội hoặc đối với người thân của họ. Ở đây trạng thái tâm của Cù Xuân Liệu không đến mức hoàn toàn không tự chủ được do đó Liệu phạm tội Giết người không phải tội giết người trong trạng thái tinh thần bị động mạnh.

- Định tội danh tội giết người theo chủ thể của tội phạm.

Chủ thể của tội phạm nói chung gồm có các dấu hiệu sau: Năng lực trách nhiệm hình sự, độ tuổi và chủ thể đặc biệt. Đối với tội giết người chủ thể là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ 14 tuổi trở lên.

Trên thực tế tại tỉnh Nam Định trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015 chưa có trường hợp nào gặp khó khăn vướng mắc trong vấn đề xác định chủ thể của tội phạm.

- Định tội danh tội giết người theo mặt chủ quan của tội phạm

Mặt chủ quan của tội phạm là quan hệ tâm lý của người phạm tội đối với các hành vi nguy hiểm cho xã hội mà người đó thực hiện. Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm lỗi (cố ý hoặc vô ý) động cơ và mục đích phạm tội. Mặt chủ quan phản ánh mối liên hệ giữa ý thức và ý chí của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội mà người đó đã thực hiện.

Người phạm tội giết người được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp.

Trong kỳ các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định đã đảm bảo định tội danh đúng đối với tội giết người theo mặt chủ quan của tội phạm.

Nguyên nhân của việc định tội danh đúng nêu trên là do Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán tỉnh Nam Định trong quá trình định tội danh đã xác định được đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội đã được thực hiện trong mỗi vụ án cụ thể. Bên cạnh đó đã nhận thức đúng nội dung của quy phạm pháp luật hình sự quy định cấu thành tội phạm tương ứng và mối quan hệ giữa các dấu hiệu

của cấu thành tội phạm với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội từ đó áp dụng vào nhận thức để định tội danh đúng.

2.1.2.2. Những khó khăn, bất cập, sai lầm và nguyên nhân

- Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình định tội danh theo cấu thành cơ bản đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định cũng xảy ra những sai lầm, mâu thuẫn trong việc đánh giá hành vi nguy hiểm cho xác hội thuộc cấu thành tội phạm nào? Đánh giá sai khách thể của tội phạm. Dẫn đến phải trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, phải họp bàn thống nhất nhiều lần, kéo dài thời hạn điều tra giải quyết vụ án và kịp thời bảo vệ quyền lợi của người bị hại.

Vụ án Nguyễn Ngọc Tuấn cùng đồng bọn phạm các tội giết người và gây rối trật tự công cộng là một ví dụ.

Do mâu thuẫn cá nhân giữa anh Nguyễn Xuân Thịnh và Nguyễn Ngọc Tuấn trong việc anh Thịnh mượn chứng minh thư của Tuấn nhưng chưa trả kịp, khoảng 19h ngày 04/5/2011, Nguyễn Ngọc Tuấn đã bàn với Bùi Trần Long, Đặng Thành Phú, Phạm Văn Tường, Nguyễn Hữu Thương, Vũ Văn Tiên đánh anh Thịnh. Sau đó khi anh Thịnh sang nhà trọ số 48 Bắc Trần Đăng Ninh tìm Tuấn nói chuyện thì Phú lao vào đâm anh Thịnh, Long dung dao đâm anh Thịnh 02 nhát, Thương cầm dao uy hiếp tinh thần anh Thịnh và đuổi theo anh Thịnh. Vũ Văn Tiên cũng đuổi theo anh Thịnh kéo áo làm anh Thịnh ngã và đâm anh Thịnh 02 cái. Hậu quả làm anh Thịnh bị chết trên đường đi cấp cứu.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định ra quyết định khởi tố vụ án Giết người và gây rối trật tự công cộng theo các điều 93 và 245 BLHS. Trong đó khởi tố các bị can Tuấn, Long, Phú, Tường, Thương về tội Giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS, khởi tố bị can Tiên về tội gây rối trật tự công cộng. Kết thúc điều tra ngày 20/10/2011 đã có bản kết luận điều tra số 60 đề nghị Viện KSND tỉnh Nam Định ra quyết định truy tố các bị can theo tội danh và điều luật nêu trên. Ngày 18/11/2011, Viện KSND tỉnh Nam Định ra bản cáo trạng số 57 truy tố đối với các bị cáo Tuấn, Long, Phú, Tường, Thương về tội Giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS, bị can Tiên về tội gây rối trật tự công cộng theo khoản 1 điều 245 BLHS.

Ngày 15/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã có quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung đối với tội danh của Vũ Văn Tiên vì có dấu hiệu đồng phạm giết người.[39].

Ngày 21/12/2011, Viện KSND tỉnh Nam Định trả hồ sơ cho cơ quan điều tra yêu cầu điều tra và nếu có căn cứ thì ra quyết định thay đổi tội danh đối với Vũ Văn Tiên từ tội gây rối trật tự công cộng sang tội giết người. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã củng cố hồ sơ, ra quyết định thay đổi tội danh đối với Tiên từ tội gây rối trật tự công cộng sang tội giết người và kết luận điều tra bổ sung. Ngày 17/01/2012, Viện KSND tỉnh Nam Định đã có bản cáo trạng số 10 truy tố Vũ Văn Tiên về tội Giết người. Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã đưa vụ án ra xét xử về tội giết người và tuyên mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo.

Sai lầm ở vụ án trên là nhận thức sai của cơ quan tố tụng đối với khách thể loại của tội phạm. Ở đây hành vi của Tiên với vai trò đồng phạm giúp sức đối với các bị cáo giết người. Tiên có tham gia bàn bạc việc đi đánh anh Thịnh, có kéo áo và đâm anh Thịnh khi các bị cáo khác đánh và đâm anh Thịnh. Khách thể bị hành vi của Tiên xâm hại ở đây là tính mạng của anh Thịnh, không phải trật tự công cộng.

- Định tội danh theo cấu thành cơ bản không chính xác dẫn đến bị cấp phúc thẩm cải, sửa án.

+ Vụ án Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Văn Hường phạm tội giết người dưới đây là một trong những trường hợp định tội danh theo cấu thành tội phạm cơ bản của tội giết người không chính xác. Nội dung của vụ án như sau:

Do Nguyễn Văn Hường có mâu thuẫn từ trước với anh Quang, nên khoảng 13h40 phút ngày 27/01/2011 khi Hường được bạn là Vũ Văn Duy chở đi dự đám cưới ở Đội 7, xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, khi đến khu vực cầu đội 2 của xã, Hường nhìn thấy anh Quang đang ngồi chơi với nhóm bạn của anh Quang là các anh Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Huy Tường, Bùi Ngọc Vĩnh, Bùi Cao Cường. Hường có gọi anh Quang cùng xuống đám cưới nhưng anh Quang không trả lời, Hường chửi anh Quang. Bùi Văn Cường là bạn Quang hỏi “Mày chửi ai”, Hường nói lại là “Chúng mày chưa đến tuổi”. Nghe bị cáo Hường nói vậy, anh

Cường đã nói và rủ Tuyên, nhờ Tuyên chở đuôi và đánh Hưởng, sau đó quay lại cầu đội 2 ngồi chơi tiếp.

Bị anh Cường, Tuyên đuôi đánh, Hưởng đã điện báo đến nhà Nguyễn Văn Tiến nhờ Tiến. Tiến mang dao nhọn cùng Hưởng tìm đánh bọn Cường. Gặp Cường, Hưởng lao vào đâm Cường, anh Cường ngửa người ra sau thì Tiến dùng dao đâm vào hõm ức cổ phải anh Cường. Hưởng hô “Chạy đi” và lên xe máy, Tiến nhảy lên xe Hưởng và Hưởng nổ máy bỏ đi trả xe. Anh Cường được đưa đi cấp cứu và chết trên đường đi cấp cứu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2011/HSST ngày 15/7/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định tuyên bố Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Văn Hưởng phạm tội giết người. Áp dụng khoản 2 điều 93, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 xử phạt Nguyễn Văn Tiến 10 năm tù, Nguyễn Văn Hưởng 08 năm tù.

Ngày 24/7/2011, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Văn Hưởng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 19/7/2011, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và bồi thường đối với các bị cáo. Ngày 26/7/2011, Viện KSND tỉnh Nam Định có quyết định kháng nghị số 125/KN-VKS đề nghị tăng hình phạt và tăng bồi thường đối với bị cáo Hưởng.[45].

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 715/2011/HSPT ngày 30/11/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội nhận định: “*đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn Hưởng, Nguyễn Văn Tiến đồng phạm giết người theo điểm n khoản 1 điều 93 BLHS do giữa Tiến và nhóm bị hại anh Cường không có mâu thuẫn gì, chỉ vì Hưởng rủ mà Tiến cầm dao đi đâm chết anh Cường, chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại. Việc Viện KSND tỉnh Nam Định kháng nghị tăng hình phạt đối với Hưởng là có căn cứ. Không chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt của các bị cáo*”. [36]. Với nhận định trên, Tòa án nhân dân tối cao đã áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 54 BLHS xử phạt Nguyễn Văn Tiến 15 năm tù, Nguyễn Văn Hưởng 12 năm tù.

Sai lầm ở đây là cấp sơ thẩm đã đánh giá không đúng hành vi của các bị cáo dẫn đến việc định tội danh theo cấu thành cơ bản tại khoản 2 Điều 93 BLHS. Do không có mâu thuẫn gì nhưng khi bị cáo Hưởng rủ thì bị cáo Tiến đã cầm dao đi và

đâm chết anh Cường. Hành vi của bị cáo phải bị xử lý về tình tiết “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 BLHS.

- Định tội danh không đúng dẫn đến phải ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can:

Vụ án Lưu Thành Luân bị khởi tố điều tra về tội giết người.

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong việc chửi nhà vợ chồng Trịnh Minh Hùng, Bùi Thị Vân Anh sang nhà chị Lưu Thị Loan ia bậy nên giữa 2 bên đã xảy ra xô sát và đã được mọi người can ngăn. Đến khoảng 22h cùng ngày khi 3 mẹ con bà Trần Thị Thịnh, Lưu Thành Luân, Lưu Thị Thùy Linh từ nhà chị Loan đi về, khi đi cách nhà chị Loan khoảng 50m, đến ngang cổng nhà Hùng thì Hùng và Vân Anh thủ sẵn các hung khí dao nhọn, kiếm đón đường chủ động tấn công trước. Hùng dùng hung khí chém 2 người là Lưu Thành Luân và Lưu Thị Tố Loan bị thương. Trong quá trình giằng co, Hùng làm rơi dao, Luân nhặt được dao và chém làm Trịnh Minh Hùng tử vong.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lưu Thành Luân về tội giết người theo điều 93 BLHS. Viện KSND tỉnh Nam Định nhận thấy hành vi của Hùng dùng hung khí chém Luân và chị Hùng là Loan gây thương tích là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng. Trường hợp này Luân bị kích động mạnh về tinh thần nên trong khi giằng co nhặt được dao Hùng làm rơi đã dùng dao chém làm Hùng tử vong, không phải cấu thành tội giết người mà cấu thành tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Viện KSND tỉnh Nam Định đã có yêu cầu điều tra yêu cầu thay đổi tội danh đối với Luân. Ngày 16/7/2012, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án, thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Luân từ tội giết người sang tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã đưa vụ án ra xét xử công khai tuyên phạt Lưu Thành Luân về tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và được Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao chấp nhận.[39].

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên một phần do hiện nay tuy Nghị quyết số 04/HĐTP của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao đã có hướng dẫn thế nào là trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, nhưng việc phân biệt giữa hành vi

trái pháp luật và trái pháp luật nghiêm trọng thì còn chưa cụ thể : “*Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó tuy làm cho người phạm tội bị kích động mạnh, nhưng nói chung chưa đến mức là tội phạm*”.[15]. từ đó dẫn đến cơ quan tiến hành tố tụng có nhiều cách hiểu khác nhau theo quan điểm chủ quan của mình gây không ít khó khăn cho hoạt động định tội danh của cơ quan tiến hành tố tụng.

- Vụ án Cù Xuân Liệu nêu trên xảy ra việc tranh luận về mặt tội danh trong quá trình khởi tố giữa Cơ quan điều tra và Viện KSND về tội Giết người hay tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nguyên nhân một phần do năng lực, nhận thức pháp luật của Điều tra viên, Kiểm sát viên, do quy định chưa cụ thể của điều luật cũng như chưa có hướng dẫn cụ thể thế nào là kích động mạnh, từ đó dẫn đến cơ quan tiến hành tố tụng có nhiều cách hiểu khác nhau theo quan điểm chủ quan của mình. Trên thực tế nếu chúng ta định tội danh sai sẽ dẫn đến việc xét xử đối với người phạm tội không đúng với tính chất mức độ hành vi nguy hiểm mà người phạm tội đã gây ra. Từ đó, dẫn đến sự không công bằng, khách quan trong hoạt động xét xử của Tòa án.

2.1.3. Thực tiễn định tội danh tội giết người theo cấu thành tăng nặng

2.1.3.1. Định tội danh đúng và nguyên nhân

Trong thời gian 5 năm từ năm 2011 – 2015, thực tiễn định tội danh theo cấu thành tăng nặng của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định về cơ bản đã đảm bảo chính xác. Không để xảy ra tình trạng oan, sai hay bỏ lọt tội phạm. Nguyên nhân đạt được kết quả này là do cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, hành vi phạm tội của người thực hiện và các tình tiết khác có liên quan. Nắm chắc và nhận thức đúng về các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 1 điều 93 BLHS, từ đó áp dụng vào quá trình định tội danh đúng.

Vụ án Trần Văn Đức phạm các tội “Giết người” và “Cướp tài sản” là một minh chứng. Nội dung của vụ án này như sau:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên Trần Văn Đức đã nảy sinh ý định thuê xe taxi BKS 29A-01906 do anh Nguyễn Đình Hùng điều khiển từ bến xe ô tô Mỹ

Đình về huyện Ý Yên tỉnh Nam Định sau đó dùng dao đâm anh Hùng để chiếm đoạt xe taxi. Khoảng 23h20 ngày 30/5/2015, anh Hùng điều khiển xe taxi nêu trên chở Đức về đến xóm 6 xã Yên Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Tại đây, Đức đã dùng dao đâm nhiều nhát vào người anh Hùng làm anh Hùng ngã xuống sau đó dùng chân chẹn vào cổ anh Hùng làm anh Hùng tử vong.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã ra QĐ khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Trần Văn Đức về tội Giết người và tội Cướp tài sản quy định tại Điều 93, Điều 133 BLHS.

Quá trình đấu tranh khai thác, ban đầu Trần Văn Đức khai báo quanh co không công nhận mục đích giết người để cướp xe taxi bán lấy tiền tiêu xài mà ban đầu Đức khai chỉ gọi xe taxi của anh Hùng về Ninh Bình trên đường đi bị 02 thanh niên chặn và chém lái xe, sau đó lại khai Đức đâm anh Hùng. Việc Đức đâm anh Hùng là do trước đây Đức và anh Hùng có quen nhau và chơi cá cược độ 2 số cuối của tờ tiền để ăn tiền, anh Hùng có nợ tiền Đức, Đức đòi anh Hùng không trả Đức lấy dao ra dọa, 2 bên giằng co nhau và chẳng may dao đâm vào cổ anh Hùng dẫn đến tử vong. Cơ quan CSĐT đã tiến hành thu thập lời khai của những người có liên quan và lịch trình của xe taxi và đấu tranh với Trần Văn Đức, Đức đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, việc thực hiện hành vi dùng dao tấn công tước đoạt sinh mạng anh Nguyễn Đình Hùng nhằm chiếm đoạt toàn bộ số tiền anh Hùng mang trên người và xe ô tô Taxi để đi bán hoặc cầm cố lấy tiền tiêu xài.

Ngày 28/9/2015, Trần Văn Đức đã bị Toà án nhân dân tỉnh Nam Định đưa ra xét xử tử hình về tội ‘Giết người’ và 12 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt là tử hình.

Nguyên nhân của việc định tội danh đúng nêu trên do các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định đã xác định đúng khách thể của tội phạm ở đây là tính mạng và tài sản của người bị hại, được điều 93 và 133 BLHS bảo vệ. Đức giết người sau đó cướp tài sản. Hành vi của Đức thuộc cấu thành tăng nặng quy định tại điểm e khoản 1 điều 93 BLHS.

2.1.3.2. Những khó khăn, bất cập, sai lầm và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình định tội danh theo cấu thành tăng nặng của tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định các cơ quan tiến hành tố tụng còn có gặp phải những khó khăn, bất cập và những sai lầm sau đây:

- *Nhận thức không thống nhất về tình tiết định khung tăng nặng dẫn đến việc khác nhau trong việc định tội danh theo cấu thành cơ bản hay tăng nặng.*

Xin dẫn vụ án dưới đây để chứng minh:

Do mâu thuẫn cá nhân giữa anh Nguyễn Xuân Thịnh và Nguyễn Ngọc Tuấn trong việc anh Thịnh mượn chứng minh thư của Tuấn nhưng chưa trả kịp, khoảng 19h ngày 04/5/2011, Nguyễn Ngọc Tuấn đã bàn với Bùi Trần Long, Đặng Thành Phú, Phạm Văn Tường, Nguyễn Hữu Thương, Vũ Văn Tiên đánh anh Thịnh. Sau đó khi anh Thịnh sang nhà trọ số 48 Bắc Trần Đăng Ninh tìm Tuấn nói chuyện thì Phú lao vào đâm anh Thịnh, Long dung dao đâm anh Thịnh 02 nhát, Thương cầm dao uy hiếp tinh thần anh Thịnh và đuổi theo anh Thịnh. Vũ Văn Tiên cũng đuổi theo anh Thịnh kéo áo làm anh Thịnh ngã và đâm anh Thịnh 02 cái. Hậu quả làm anh Thịnh bị chết trên đường đi cấp cứu.

Cơ quan điều tra đề nghị truy tố Tuấn cùng đồng bọn về tội Giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã ra cáo trạng truy tố Tuấn cùng đồng bọn về tội giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS.

Ngày 15/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã có quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung đối với tội danh của Tuấn và đồngbọn vì có dấu hiệu của tội danh theo cấu thành tăng nặng “Có tính chất côn đồ”. Sau khi điều tra bổ sung, ngày 17/01/2012, Viện KSND tỉnh Nam Định có cáo trạng truy tố Tuấn cùng đồng bọn về tội giết người theo điểm n khoản 1 điều 93 BLHS. Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã đưa vụ án ra xét xử theo cấu thành tăng nặng nêu trên.

+ Vụ án Nguyễn Văn Bình bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định khởi tố, điều tra về tội giết người cũng là một minh chứng sống động:

Do mâu thuẫn trong việc bà Nguyễn Thị Đào tháo đường ống dẫn chất thải ra ruộng gây mùi hôi thối và ô nhiễm môi trường. Khoảng 7h sáng ngày 07/01/2016, tại đường xóm Trại, thôn Cẩm, xã Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định Nguyễn Văn Bình dùng dao bầu dài 30 cm, lưỡi bằng kim loại dài 18 cm đâm nhiều nhát vào

vùng lưng, vùng ngực và người bà Đào gây tràn máu khoang màng phổi trái, rách mặt trước trên bao tim làm mất máu dẫn đến tử vong ngay tại hiện trường.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Bình về tội Giết người để điều tra, xử lý. Kết thúc điều tra, ngày 31/3/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định có bản Kết luận điều tra số 30, đề nghị Viện KSND tỉnh Nam Định ra quyết định truy tố Nguyễn Văn Bình về tội Giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS.

Không thống nhất quan điểm đề nghị của Cơ quan điều tra, ngày 25/4/2016 Viện KSND tỉnh Nam Định đã có bản cáo trạng số 35, truy tố Nguyễn Văn Bình về tội giết người theo tình tiết định khung của cấu thành tăng nặng tại điểm n khoản 1 điều 91 BLHS: “có tính chất côn đồ”. [47].

Ngày 20/6/2016, TAND tỉnh Nam Định đã mở phiên xét xử công khai tuyên phạt Nguyễn Văn Bình 20 năm tù về tội giết người theo điểm n khoản 1 Điều 93 BLHS năm 1999 [38].

Nguyên nhân xảy ra tình trạng định tội danh khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng nêu trên là do cách hiểu khác nhau về tình tiết “có tính chất côn đồ” giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong khi chưa có hướng dẫn cụ thể.

2.1.4. Thực tiễn định tội danh trong những trường hợp đặc biệt

2.1.4.1. Định tội danh đúng và nguyên nhân

- Định tội danh trong trường hợp đồng phạm:

Pháp luật hình sự nước ta quy định trách nhiệm hình sự không chỉ đối với tội phạm do một người thực hiện mà còn đối với tội phạm do nhiều người thực hiện. Trước đây chế định đồng phạm được quy định tại Điều 20 BLHS năm 1999.

So với BLHS năm 1999, chế định đồng phạm tại điều 17 BLHS năm 2015 quy định cụ thể hơn về trách nhiệm hình sự của người đồng phạm trong trường hợp người thực hành có hành vi vượt quá.

Trong thời gian từ năm 2011 – 2015, việc định tội danh trong trường hợp đồng phạm đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định về cơ bản đảm bảo các chính xác các quy định của pháp luật. Duy chỉ có trường hợp vụ án Nguyễn Ngọc Tuấn cùng đồng bọn phạm tội giết người đã phân tích nêu trên trong vụ án có bị cáo

Vũ Văn Tiên bị khởi tố, truy tố về tội Gây rối trật tự công cộng sau đó Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định trả hồ sơ điều tra bổ sung về vai trò đồng phạm tội giết người. Kết quả điều tra bổ sung kết luận bị cáo có vai trò đồng phạm phạm giết người, không phải phạm tội Gây rối trật tự công cộng. Ngày 28/3/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đưa vụ án ra xét xử tuyên phạt Vũ Văn Tiên 08 năm tù về tội Giết người.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do nhận thức khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng về chế định đồng phạm, sự đánh giá khác nhau về hành vi phạm tội của bị cáo. Việc tòa án nhân dân tỉnh Nam Định tuyên bị cáo phạm tội giết người với vai trò đồng phạm là phù hợp, không bị cấp trên cải sửa, hủy án.

- Định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội

Khi người phạm tội thực hiện không phải một tội phạm mà thực hiện nhiều tội phạm thì việc định tội danh đối với các hành vi đó có một số đặc điểm và thường gặp một số khó khăn nhất định. Trường hợp này người phạm tội thực hiện một số tội phạm xâm phạm đến nhiều khách thể được luật hình sự bảo vệ, gây ra những thiệt hại lớn hơn về vật chất, thể chất và tinh thần. Việc thực hiện nhiều tội phạm chứng tỏ rằng người phạm tội có mức độ nguy hiểm rất lớn cho xã hội. Pháp luật hình sự nước ta không đưa ra định nghĩa về phạm nhiều tội mà chỉ quy định nguyên tắc của việc quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội (điều 50 BLHS năm 1999, điều 55 BLHS năm 2015). Vụ án Đỗ Mạnh Cường phạm các tội Giết người và tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng là một ví dụ:

Từ cuối năm 2012, Đỗ Mạnh Cường đã cất giữ 01 khẩu súng dạng súng K54 và 01 băng đạn trong đó có 06 viên tại nhà riêng ở thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Đến khoảng 17h30 ngày 11/02/2015, anh Trần Văn Sùng đến nhà Cường mục đích để chuộc chiếc xe máy cầm cố tại nhà Cường. Giữa 2 người không có mâu thuẫn gì chỉ xuất phát từ tranh cãi trong việc vây tiền và cầm cố xe nhưng Cường bắt anh Sùng quỳ xuống sân nhưng anh Sùng không quỳ, Cường liền dùng khẩu súng K54 nêu trên đập vào đầu anh Sùng sau đó bắn 01 phát vào vùng mặt anh Trần Văn Sùng. Hậu quả là anh Sùng bị chấn thương vùng đầu – mặt do đạn bắn và tử vong.

Vụ án xảy ra có nhiều quan điểm khác nhau trong việc định tội danh đối với Cường phạm một tội hay nhiều tội. Có quan điểm cho rằng Cường chỉ phạm một giết người, hành vi cất giữ, dùng súng bắn anh Sùng của Cường chỉ đơn giản là hành vi dùng vũ khí để giết người, không nên xử lý về tội tàng trữ sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Có quan điểm cho rằng hành vi của Cường cất giữ khẩu súng từ năm 2012 đến năm 2015 sau đó dùng khẩu súng này bắn chết anh Sùng là hành vi cấu thành một tội độc lập do thời gian cất giữ đã nhiều năm mà cấu thành cơ bản của tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng không có quy định thời gian cất giữ là bao lâu. Do đó phải xử lý Cường về 2 tội Giết người và tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Ngày 17/12/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã đưa vụ án ra xét xử và tuyên phạt Đỗ Mạnh Cường 17 năm tù về tội giết người, 5 năm tù về tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Nguyên nhân của những quan điểm khác nhau nêu trên là do việc nhận thức không thống nhất về cấu thành cơ bản của tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Việc cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, tòa án nhân dân khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với Cường về 2 tội danh trên được cấp trên chấp nhận và đáp ứng được yêu cầu nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

2.1.5. Những khó khăn, bất cập khác

Trong những năm gần đây, một trong những nguyên nhân làm tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định diễn biến phức tạp là tình trạng người không có năng lực trách nhiệm hình sự (người mắc bệnh tâm thần làm mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi) thực hiện hành vi giết người. Được đánh giá về nguyên nhân do những người này sau khi điều trị ở bệnh viện tâm thần được cho về điều trị ngoại trú ở địa phương nhưng không có cơ chế quản lý phù hợp đối với họ, không kiểm soát được họ, khi tình trạng bệnh nặng nên họ đã thực hiện hành vi giết người, trong đó có những vụ giết nhiều người, gây hậu quả đau xót và hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Viện KSND tỉnh Nam Định đã đánh giá tình hình trên nhiều lần định kiến nghị biện pháp quản lý những đối tượng này để giảm những vụ án thương tâm xảy ra nhưng do pháp luật chưa có quy định cụ thể về cơ quan, tổ

chức hay cá nhân nào có trách nhiệm quản lý những người này khi chữa bệnh tại địa phương nên không có chủ thể chịu trách nhiệm để kiến nghị, chưa thể gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh về vấn đề này. Đây cũng là nguyên nhân chính khiến số vụ án giết người bị đình chỉ điều tra tăng cao. (Xem bảng phụ lục 2.5)

- Vụ án Mai Thị Vóc phạm tội giết người là một minh chứng:

Khoảng 10h30 ngày 11/4/2015, Mai Thị Vóc - Sinh năm 1975, trú tại xóm 3 xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định sang nhà anh Đỗ Văn Kiên hàng xóm dùng dao chém 2 cháu con anh Kiên là Đỗ Thành Đạt - Sinh năm 2007 và Đỗ Công Minh - Sinh năm 2012 và bà Đỗ Thị Ngọc là mẹ anh Kiên. Hậu quả làm cháu Đạt, cháu Minh và bà Ngọc tử vong.

Ngày 13/4/2015 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định ra quyết định Khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Mai thị Vóc về tội “Giết người” quy định tại điều 93 Bộ luật hình sự và lệnh tạm giam. Ngày 22/6/2015, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định ra quyết định trưng cầu giám định tâm thần của bị can trong thời điểm thực hiện hành vi phạm tội.

Ngày 29/7/2015, Viện pháp y tâm thần trung ương có Biên bản giám định pháp y tâm thần số 194/GĐPYTT kết luận: “*Tại thời điểm xảy ra vụ án bị can Mai Thị Vóc có biểu hiện: Rối loạn loạn thần cấp và nhất thời khác, theo bảng phân loại bệnh quốc tế lần thứ X về các rối loạn tâm thần và hành vi năm 1992, có mã số F23.8; mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*”.

Ngày 25/8/2015, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định ra quyết định ĐCĐT vụ án số 03, Quyết định ĐCĐT bị can số 04 đối với Mai Thị Vóc. Viện KSND tỉnh Nam Định ra quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam, ra quyết định bắt buộc chữa bệnh đối với Mai Thị Vóc.

Trong phần này tác giả tiến hành khái quát lý luận về định tội danh và thực tiễn quá trình định tội danh tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Thông qua thực tiễn, có thể nhận thấy định tội danh là một giai đoạn cơ bản của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự. Định tội danh đúng sẽ là tiền đề cho việc các thể hóa và phân hóa trách nhiệm hình sự, là tiền đề cho việc xác định hình phạt, khung hình phạt và quyết định hình phạt được chính xác đảm bảo đúng

người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội. Định tội danh đúng là cơ sở áp dụng đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử; đảm bảo đúng về thời hạn tạm giữ, tạm giam, thời hạn điều tra, truy tố, xét xử...góp phần nâng cao bảo đảm quyền con người, quyền của công dân trong hoạt động tư pháp hình sự.

Định tội danh đúng là sự thể hiện rõ nhất hiệu quả hoạt động thực tiễn của việc áp dụng pháp luật, thể hiện rõ ý thức trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp của cơ quan tiến hành tố tụng, ý thức tuân thủ triệt để pháp luật, từ đó nâng cao uy tín, chất lượng hoạt động của các cơ quan này, góp phần củng cố và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định

2.2.1. Khái quát quát lý luận quyết định hình phạt đối với tội giết người

- Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của quyết định hình phạt đối với tội giết người

“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội.[19, tr. 60].

Quyết định hình phạt (QĐHP) đối với tội giết người là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản điều luật) theo một thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội về tội giết người.

Để làm sáng tỏ một cách đầy đủ hơn nội dung của khái niệm QĐHP đối với tội giết người, cần phải xác định vị trí của QĐHP trong quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự. Việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự được hiểu là một quá trình phức tạp, nhiều mặt, được tiến hành qua những giai đoạn nhất định: giải thích đạo luật hình sự; xác định hiệu lực của đạo luật hình sự về không gian và thời gian; định tội danh; QĐHP, miễn TNHS và hình phạt; xóa án tích...

QĐHP đối với tội giết người là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Giai đoạn này chiếm vị trí

đặc biệt trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Điều đó thể hiện trước hết chỗ Tòa án mới có quyền QĐHP. Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước được Nhà nước giao cho Tòa án nhân dân, nhân danh Nhà nước quyết định áp dụng đối với người phạm tội, không một cơ quan nhà nước nào khác ngoài Tòa án nhân dân có quyền áp dụng hình phạt. Tòa án căn cứ vào luật hình sự tuyên bố áp dụng hình phạt đối với người phạm tội, thể hiện sự lên án của Nhà nước đối với họ về việc thực hiện tội phạm là sự trừng trị người phạm tội.

QĐHP đối với tội giết người là một hoạt động pháp lý Tổ tụng hình sự, hay nói cách khác là một dạng hoạt động của việc áp dụng pháp luật hình sự do Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành đối với người thực hiện tội phạm theo một trật tự pháp lý nhất định.

QĐHP đối với tội giết người là quá trình sử dụng kết quả điều tra, kết quả buộc tội, kết quả thẩm vấn, tranh luận; là quá trình đối chiếu các tình tiết của một vụ án hình sự cụ thể với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm cụ thể của tội giết người gắn liền với đánh giá con người cụ thể đã thực hiện tội phạm để xác định một loại và một mức hình phạt cụ thể tối ưu nhất trong việc cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Nội dung của QĐHP đối với tội giết người thể hiện ở chỗ Tòa án lựa chọn một trong những hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật về tội giết người để quyết định đối với bị cáo và xác định một mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo. Loại và mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo phải được thể hiện trong bản án buộc tội theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và được công bố một cách công khai khi tuyên án.

Hình phạt do Tòa án quyết định tùy thuộc vào các tình tiết cụ thể của vụ án có thể là nghiêm khắc, ít nghiêm khắc hoặc nhẹ, nhưng trong mọi trường hợp bao giờ cũng phải đảm bảo đúng pháp luật, công bằng và cá thể hóa.

QĐHP đối với tội giết người có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị và pháp luật. Chỉ khi hình phạt được quyết định một cách chính xác và công bằng, thì mục đích của hình phạt mới đạt được, tức là có tác dụng giáo dục và cải tạo người phạm tội, ngăn ngừa phạm tội mới và giáo dục người khác. Hình phạt được quyết

định quá nhẹ so với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm đã được thực hiện sẽ sinh ra ở người phạm tội và những người khác thái độ xem thường pháp luật, hình phạt được quyết định quá nặng sẽ gây ra ở người bị án sự không tin tưởng vào tính công bằng của pháp luật và sự công minh của các cơ quan tiến hành tố tụng. Cả hai tình trạng đó đều dẫn đến hậu quả là giảm ý nghĩa phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của hình phạt. QĐHP đúng đắn sẽ góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, trật tự và kỷ cương xã hội. [48, tr.397-399]

- ***Căn cứ quyết định hình phạt đối với tội giết người***

Căn cứ QĐHP là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do Luật hình sự quy định hoặc do giải thích luật mà có, buộc Tòa án phải tuân theo khi QĐHP đối với người thực hiện tội phạm. Căn cứ QĐHP, trước tiên là những đòi hỏi được luật quy định một cách cụ thể, rõ ràng. Đó là: các quy định của BLHS, tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS.

Các căn cứ QĐHP là những đòi hỏi mang tính nguyên tắc vì đó chính là biểu hiện, những đòi hỏi của các nguyên tắc QĐHP. Trên cơ sở nguyên tắc QĐHP, nhà làm luật quy định những đòi hỏi cơ bản buộc Tòa án phải tuân theo khi QĐHP. Giữa các nguyên tắc QĐHP và căn cứ QĐHP có mối liên quan hữu cơ với nhau. Chúng được thể hiện như những phạm trù cái chung và cái riêng. Các nguyên tắc QĐHP là cái chung, các căn cứ QĐHP là cái riêng. Các nguyên tắc QĐHP tồn tại ở các mặt này hay các mặt khác của các căn cứ QĐHP. Khi QĐHP, Tòa án phải tuân thủ những đòi hỏi quan trọng có tính nguyên tắc sau: Căn cứ vào các quy định của BLHS; cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; cân nhắc nhân thân người phạm tội; cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS.

Căn cứ vào các qui định của BLHS, tức là căn cứ vào các quy định của phần chung và phần các tội phạm. Khi QĐHP đối với tội giết người, ngoài việc căn cứ vào các quy định của phần chung BLHS, Tòa án còn phải căn cứ vào các chế tài của điều luật quy định đối với tội giết người mà bị cáo đã thực hiện.

Khi QĐHP đối với tội giết người, Tòa án phải căn nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện, tính chất nguy hiểm cho xã hội là

thuộc tính khách quan của một loại tội phạm nhất định, được xác định bởi tổng thể các dấu hiệu thuộc cấu thành tội phạm, trong đó quan trọng nhất là ý nghĩa, tính chất, tầm quan trọng và giá trị của những quan hệ xã hội bị hành vi phạm tội xâm hại, tức là khách thể của tội phạm.

Để quyết định một hình phạt công bằng, hợp lý, phù hợp với lỗi của người phạm tội, ngoài việc xác định đúng hình thức lỗi, việc xác định rõ từng loại lỗi trong mỗi hình thức cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định mức độ hình phạt. Ngoài việc cân nhắc hình thức và lỗi, còn phải xác định và cân nhắc mức độ lỗi của bị cáo trong những trường hợp phạm tội cụ thể.

Các đặc điểm đặc trưng cho nhân thân người phạm tội cũng ảnh hưởng đến mức độ lỗi, bởi vì những đặc điểm đó được thể hiện cụ thể ở lỗi của chủ thể.

Ngoài việc căn nhắc lỗi của bị cáo, còn phải xác định và cân nhắc cả động cơ và mục đích của người thực hiện tội phạm. Trong thực tế, tội phạm cụ thể được thực hiện vì những động cơ, mục đích rất khác nhau. Bởi vậy, Tòa án cần xác định rõ tội phạm đó được thực hiện vì động cơ nào và phải nêu rõ trong bản án.

Tóm lại, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là một trong những căn cứ quan trọng của việc QĐHP. Có nhiều loại tình tiết, dấu hiệu ảnh hưởng đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện. Bởi vậy, Tòa án phải cân nhắc tổng thể các tình tiết, dấu hiệu đó mới bảo đảm cho việc quyết định một hình phạt công bằng, hợp lý đối với bị cáo.

Để có căn cứ đầy đủ cho việc QĐHP đối với tội giết người đúng pháp luật, công bằng, hợp lý, phù hợp với tội phạm đã thực hiện, tạo điều kiện cho việc đạt được các mục đích của hình phạt, theo luật, ngoài việc căn nhắc các tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện, Tòa án phải cân nhắc nhân thân người phạm tội. Việc áp dụng đúng qui định này có ý nghĩa cải tạo, giáo dục và phòng ngừa rất lớn.

Khi QĐHP đối với tội giết người Tòa án không những phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện, nhân thân người phạm tội, mà còn phải cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Do đó,

cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là một trong những căn cứ của việc QĐHP, tức là một trong những điều kiện quan trọng của việc cá thể hóa hình phạt.

Để có một phán xét và quyết định cụ thể về loại và mức hình phạt cần tuyên, các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phải dựa vào ý thức pháp luật của mình để đánh giá ý nghĩa của từng tình tiết ở dạng riêng lẻ và ở dạng tổng thể của chúng. Rõ ràng ở đây ý thức pháp luật được thể hiện như là một trong những căn cứ mà các tình tiết của vụ án, xác định tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, nhân thân người phạm tội, các tình tiết chủ quan và khách quan và trong phạm vi chế tài tương ứng, chọn và quyết định một loại mức hình phạt đúng pháp luật, công bằng, có khả năng lớn nhất để cải tạo, giáo dục người phạm tội, cũng như phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung. [48, tr. 410-425]

- *Các nguyên tắc quyết định hình phạt đối với tội giết người*

Các nguyên tắc QĐHP đối với tội giết người là những tư tưởng xuất phát, tư tưởng chỉ đạo được qui định trong pháp luật hình sự và do giải thích mà có, xác định và định hướng hoạt động của Tòa án khi áp dụng chế tài luật hình sự đối với người phạm tội.

Với tư cách là những tư tưởng xuất phát, tư tưởng chỉ đạo định hướng hoạt động của Tòa án khi QĐHP đối với người phạm tội, các nguyên tắc QĐHP là một trong những nội dung quan trọng của chính sách hình sự của Nhà nước ta. Để có cơ sở đưa ra các nguyên tắc QĐHP cần phải dựa vào những tiêu chuẩn: phải là tư tưởng chỉ đạo đầu tiên; phải được thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp trong luật hình sự; phải là những tư tưởng chỉ đạo định hướng hoạt động của Tòa án trong lĩnh vực QĐHP; những tư tưởng đó phải phù hợp với chính sách hình sự trong từng giai đoạn phát triển của Nhà nước.

Căn cứ vào những tiêu chuẩn nêu trên việc QĐHP cần phải dựa vào các nguyên tắc sau: Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa; nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa; nguyên tắc cá thể hóa hình phạt; nguyên tắc công bằng.

Nội dung của nguyên tắc pháp chế biểu hiện ở chỗ khi QĐHP, Tòa án phải tuân theo trình tự và các điều kiện áp dụng các loại hình phạt cụ thể, và chỉ có thể tuyên những hình phạt được qui định trong luật. Nguyên tắc pháp chế đòi hỏi khi

tuyên một hình phạt phải có tính xác định, có căn cứ lập luận và bắt buộc có lý do. Tính xác định của hình phạt trong bản án buộc tội thể hiện ở chỗ hình phạt được quyết định đối với bị cáo phải cụ thể về loại hình phạt thời gian. Tính có căn cứ, lập luận và bắt buộc có lý do trong bản án đòi hỏi Tòa án phải nghiên cứu kỹ và làm sáng tỏ các tình tiết có trong vụ án làm căn cứ cho việc QĐHP. Những tình tiết đó phải là những tình tiết đã được thẩm vấn, được kiểm tra lại trong quá trình xét xử, đã được Hội đồng xét xử đánh giá, nhận xét. Tính có căn cứ đòi hỏi phải chỉ rõ các lý do của việc QĐHP.

Đòi hỏi khác của nguyên tắc pháp chế là tính hợp lý của việc QĐHP. Tính hợp lý thể hiện ở chỗ trong số những phương án giải quyết khác nhau mà luật cho phép, Tòa án phải lựa chọn một loại và mức hình phạt, một mặt, phải đúng luật, mặt khác phù hợp với các nguyên tắc khác, phù hợp với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS.

Nguyên tắc nhân đạo của việc QĐHP thể hiện tập trung nhất ở chỗ khi QĐHP, Tòa án phải cân nhắc lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của người phạm tội trong một tổng thể thống nhất biện chứng, hài hòa và hợp lý. Nhân đạo xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có thái độ đúng đắn cả đối với lợi ích của toàn xã hội và Nhà nước, lẫn đối với lợi ích của bị cáo.

Nguyên tắc nhân đạo còn thể hiện việc hạn chế sự trừng trị. Tức là trong một vụ án Tòa án có thể tuyên một trong những mức cho phép đối với bị cáo: cần thiết tối thiểu; mức cao hơn cần thiết tối thiểu; mức tối đa, thì ở góc độ của việc hạn chế sự trừng trị, Tòa án nên tuyên mức hình phạt cần thiết tối thiểu. Trong mọi trường hợp không cho phép QĐHP quá mức cần thiết.

Tư tưởng cơ bản của nguyên tắc cá thể hóa khi QĐHP thể hiện ở chỗ Tòa án phải căn cứ vào các qui định của pháp luật hình sự và ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS để quyết định đối với bị cáo một loại mức hình phạt cụ thể ở mức độ lớn nhất tạo điều kiện cho việc đạt được các mục đích của hình phạt. Nội dung của cá thể hóa hình phạt cũng được thể hiện ở các điều luật qui định các giai đoạn phạm tội, đồng phạm, các hình

phạt và các điều kiện áp dụng chúng, cũng như ở việc quy định việc QĐHP đối với một số người phạm tội như người chưa thành niên, người già yếu, phụ nữ có thai.

Tư tưởng cá thể hóa hình phạt được thể hiện rõ nhất ở việc qui định các chế tài. Chế tài xác định tương đối và chế tài tùy nghi. Đa số các chế tài của các điều luật ở phần các tội phạm qui định khung hình phạt rất rộng và qui định hai hoặc nhiều loại hình phạt cho phép Tòa án tùy từng trường hợp cụ thể áp dụng hình phạt này hay hình phạt khác đối với bị cáo cho phù hợp.

Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt đòi hỏi phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các đặc điểm của nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS.

Tư tưởng cơ bản của nguyên tắc công bằng xã hội của việc QĐHP thể hiện ở chỗ loại và mức hình phạt do Tòa án tuyên phải tương xứng với tội phạm đã thực hiện và nhân thân người phạm tội.

Đòi hỏi thứ nhất của nguyên tắc này là hình phạt đã tuyên phải tương xứng với tội đã phạm, nghĩa là tội đã phạm càng nghiêm trọng và trong những điều kiện khác giống nhau, thì hình phạt phải càng nghiêm khắc và ngược lại. Ngoài tội phạm nguyên tắc công bằng xã hội đòi hỏi khi QĐHP còn phải cân nhắc cả nhân thân người phạm tội và các tình tiết khác có trong vụ án.

Việc cân nhắc tội phạm đã thực hiện và các đặc điểm nhân thân người phạm tội và các tình tiết khác có trong vụ án phải đặt trong một thể thống nhất biện chứng mới đảm bảo được tính công bằng của hình phạt. Nếu quá nhấn mạnh, coi trọng đến yếu tố này mà xem thường yếu tố kia, thì không thể tuyên một hình phạt công bằng. Nguyên tắc công bằng xã hội còn đòi hỏi hình phạt được tuyên cần phải phản ánh một cách đúng đắn dư luận xã hội, ý thức pháp luật và đạo đức của xã hội, phải có đủ sức thuyết phục mọi người ở tính đúng đắn, tính công bằng của chính sách xét xử của Nhà nước ta. [48, tr.402-407]

2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người theo cấu thành cơ bản

2.2.2.1. Quyết định hình phạt đúng và nguyên nhân

Thực tiễn công tác xét xử trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến 2015 trong thời gian qua cho thấy nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe xảy ra ngày một gia tăng, nhất là tội giết người, gây không ít cho khăn cho hoạt động điều tra, truy tố xét xử. Trước tình hình đó, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, với sự nỗ lực, phấn đấu, quyết tâm đưa ra xét xử kịp thời, nghiêm minh các hành vi phạm tội, không có trường hợp nào Tòa án xét xử oan sai. Trong thời gian từ năm 2011 đến hết năm 2015, tổng số bị cáo phạm tội giết người bị xét xử là 86 bị cáo, trong đó phạt tù từ 3 năm trở xuống là 06 bị cáo, phạt tù từ trên 3 năm đến 7 năm là 27 bị cáo, phạt tù từ trên 7 năm đến 15 năm là 37 bị cáo, phạt tù trên 15 năm đến 20 năm là 15 bị cáo, không có trường hợp nào xử phạt chung thân, 01 bị cáo bị xử phạt mức án cao nhất là tử hình (xem bảng phụ lục 2.6). Vụ án dưới đây là một minh chứng:

Chiều ngày 09/5/2012, Tạ Văn Quý gọi điện cho bạn là Nguyễn Văn Thắng nhưng khi đó bạn của anh Thắng là Ngô Xuân Quảng cầm máy, giữa Quý và anh Quảng xảy ra cãi vã, thách thức nhau qua điện thoại. Đến khoảng 14h ngày 10/5/2012, anh Quảng hẹn gặp Quý nói chuyện nhưng Quý không đến được, khoảng 15h cùng ngày, Quý gọi điện bảo Quảng ra gặp ở quán nước của chị Nguyễn Thị Lý ở đội 7, thôn Đại Lộc. Quý mang theo 01 con dao bấm dài 25cm đến quán chị Lý ngồi chờ Quảng. Khi Quảng đến thấy Quý, Quảng hỏi “sao” và rút ra 01 cây gậy cao su dài 50cm, đường kính 2,5cm vụt 3 nhát vào lưng Quý. Quý và Quảng giằng co gậy. Quý rút dao bằng tay phải đâm một nhát vào ngực anh Quảng rồi bỏ đi. Anh Quảng chết trên đường đi cấp cứu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2012HSST ngày 25/9/2012, tòa án nhân dân tỉnh Nam Định áp dụng khoản 2 Điều 93, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự xử phạt Tạ Văn Quý 08 năm tù về tội Giết người.

Ngày 01/10/2012, đại diện hợp pháp cho bị hại kháng cáo tăng hình phạt, tăng mức bồi thường đối với bị cáo.

Ngày 02/10/2012, đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội giết người mà phạm tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân.

Tại bản án phúc thẩm hình sự số 55/2013/HSPT ngày 30/01/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội nhận định: *“Tuy là người tấn công trước nhưng anh Quảng chỉ dùng gậy cao su vụt vào lưng bị cáo, hậu quả chỉ để lại vết vết xung huyết màu hồng ... trên lưng bị cáo nhưng bị cáo lại dùng dao nhọn mang theo từ nhà đâm thẳng vào ngực là nơi trọng yếu của nạn nhân. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo thay đổi tội danh của của bị cáo sang tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh ... như khách cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo”.*[33]. Nhận định mức án tòa sơ thẩm tuyên là phù hợp không có căn cứ tăng hay giảm hình phạt cho bị cáo như kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại và đại diện hợp pháp cho bị cáo.

Từ nhận định trên, Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại, đại diện hợp pháp cho bị cáo, quyết định: “Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74 BLHS xử phạt bị cáo Tạ Văn Quý 08 năm tù về tội Giết người.[33]

Nguyên nhân việc định tội danh và quyết định hình phạt đúng nêu trên là do cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, trạng thái tinh thần của bị cáo từ đó đối chiếu với các quy định của BLHS và áp dụng đúng các quy định này từ đó quyết định hình phạt đúng được cấp phúc thẩm chấp nhận.

2.2.2.2. Những khó khăn, bất cập, sai lầm và nguyên nhân

Theo Điều 45 BLHS, khi QĐHP, Tòa án căn cứ vào quy định của BLHS, căn nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999, cấu thành cơ bản thuộc khoản 2 điều 93, có khung hình phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

Mặc dù, BLHS có quy định rõ ràng, nhưng thực tế vấn đề QĐHP theo cấu thành cơ bản trên địa bàn tỉnh Nam Định trong thời gian vừa qua vẫn còn một số bất

cập như việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS, mức đề nghị áp dụng hình phạt giữa VKS và quyết định hình phạt của Tòa án nhân dân là khác nhau đối với cùng một bị cáo dẫn tới bị kháng cáo, kháng nghị và bị cấp trên sửa bản án sơ thẩm.

Xin dẫn chứng các vụ án dưới đây:

Vụ thứ nhất:

Vụ án Vũ Ngọc Tú: Khoảng 21h ngày 06/01/2013, vì nguyên nhân tranh cãi nhỏ nhặt dẫn đến xô xát, Vũ Ngọc Tú đã dùng dao đâm chết anh trai là anh Vũ Văn Tịch. Tại phiên Tòa, KSV thực hành quyền công tố đề nghị áp dụng khoản 2 điều 93, điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48 phạt bị cáo Tú từ 9 – 10 năm tù.

Tại bản án số 19/2013/HSST ngày 12/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định áp dụng khoản 2 điều 93, điểm g khoản 1 điều 48 BLHS xử phạt bị cáo Tú 12 năm tù.

Như vậy cùng một bị cáo và hành vi phạm tội, 2 cơ quan tiến hành tố tụng đã có những nhận định khác nhau. Quan điểm của Viện KSND tỉnh nam Định là bị cáo Tú đã thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS giảm nhẹ TNHS cho bị cáo và đề nghị mức hình phạt 9-10 năm tù. Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định lại nhận định bị cáo không thành khẩn khai báo nên không áp dụng điểm p khoản 1 điều 46 BLHS và tuyên phạt mức án 12 năm tù đối với bị cáo là mức án chênh lệch lớn với đề nghị của Viện kiểm sát.

Vụ án đã bị cấp trên kháng nghị vào ngày 11/7/2013 theo hướng xử lý hành vi của Tú theo khoản 1 điều 93 tình tiết có tính chất côn đồ và tăng hình phạt đối với bị cáo.[44].

Tại bản án số 599/2013/HSPT ngày 27/9/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội quyết định sửa án sơ thẩm, áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm g khoản 1 điều 48; khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt Vũ Ngọc Tú 14 năm tù về tội giết người.[37].

Vụ thứ 2:

Vào 17h ngày 12/02/2012, Trần Văn Thặng đã có hành vi dùng chân tay đâm đá anh Vũ Văn Vinh làm anh Vinh bị ngã xuống nền bê tông sau đó Thặng xông vào, túm tóc, đập mạnh 2 lần xuống nền bê tông. Mọi người lại can ngăn, thấy Vinh bị ngất xỉu nên đã đưa đi cấp cứu nhưng anh Vinh chết trên đường đi cấp cứu.

Ngày 03/6/2012, Viện KSND tỉnh Nam Định có bản cáo trạng số 28/QĐ-KSĐT-P1A truy tố Trần Văn Thặng về tội “Giết người” theo khoản 2 điều 93 BLHS. Tại Phiên tòa, đại diện Viện KSND tỉnh Nam Định áp dụng khoản 2 điều 93; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 phạt bị cáo từ 9 – 10 năm tù.

Ngày 11/7/2012, tại bản án số 29/2012/HSST của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định cũng áp dụng khoản 2 điều 93; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 phạt bị cáo 7 năm 6 tháng tù. Sau khi tuyên án, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đại diện hợp pháp cho bị hại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo.

Ngày 27/9/2012, tại bản án hình sự phúc thẩm số 501/2012/HSPT, Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội tuyên bố không chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của đại diện hợp pháp cho bị hại. Áp dụng khoản 2 điều 93, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS sửa án sơ thẩm xử phạt bị cáo 8 năm 6 tháng tù.[34].

Như vậy, cùng một hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ TNHS nhưng ở đây việc áp dụng hình phạt giữa các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định là khác nhau. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này trong vụ án này là do Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã nhận định chưa chính xác về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo dẫn đến việc quyết định hình phạt quá nhẹ. Việc cấp phúc thẩm sửa án tăng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Vụ thứ 3: Vụ án Đinh Thế Vận phạm tội giết người

Tối ngày 04/5/2012, Đinh Thế Vận đã có hành vi dùng gậy gỗ và tay lái thuyền bằng sắt phi 12 vọt nhiều nhất vào mặt đầu ông Hoàng Văn Bôn làm ông Bôn tử vong tại chỗ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2012/HSST ngày 15/8/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã áp dụng khoản 2 Điều 93, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Đinh Thế Vận 07 năm tù về tội giết người.

Ngày 18/8/2012, đại diện hợp pháp cho bị hại có kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và mức bồi thường đối với bị cáo.

Tại Bản án phúc thẩm hình sự số 607/2012/HSPT ngày 31/10/2012 của Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội nhận định: “*Tội phạm bị cáo thực hiện là đặc biệt nghiêm trọng ... mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù là chưa đảm bảo, cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm này nên chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại tăng hình*

phạt đối với bị cáo là có căn cứ.”[35]. Quyết định áp dụng khoản 2 Điều 93, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Đinh Thế Vận 09 năm tù về tội giết người.

Vụ thứ tư: Vụ án Mai Ngọc Doanh phạm tội Giết người

Ngày 18//12/2015, Viện KSND tỉnh Nam Định có bản cáo trạng số 04 truy tố Mai Ngọc Doanh ra xét xử về tội : “Giết người” theo khoản 2 điều 93 BLHS.

Ngày 28/01/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên Tòa KSV thực hành quyền công tố đề nghị áp dụng khoản 2 điều 93, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46, Điều 47 BLHS đề nghị xử phạt Mai Ngọc Doanh từ 5 năm đến 6 năm tù. Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định cũng áp dụng điều luật và các tình tiết giảm nhẹ nêu trên tuyên phạt Mai Ngọc Doanh 04 năm tù.[38].

Nguyên nhân của tình trạng trên là do nhận thức khác nhau về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội cho xã hội của bị cáo dẫn tới áp dụng các mức hình phạt khác nhau của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015, trong tổng số 86 bị cáo phạm tội giết người bị đưa ra xét xử có 71 bị cáo tòa án tuyên mức hình phạt trong mức đề nghị của Viện kiểm sát, 15 bị cáo tuyên chênh lệch với đề nghị của Viện kiểm sát, chiếm tỷ lệ 17,4% (xem bảng phụ lục 2.7)

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng chênh lệch trên là do sự nhận thức áp dụng pháp luật của Kiểm sát viên và thẩm phán, còn thể hiện theo ý chí chủ quan, áp đặt tùy nghi của mình, thậm chí có một số trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội mà người thực hiện tội phạm tương tự nhau, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS được Tòa án áp dụng để QĐHP giống nhau (cùng áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 BLHS, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS), nhưng khi QĐHP thì lại có sự khác nhau rất lớn giữa bị cáo này với bị cáo khác.

2.2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người theo cấu thành tăng nặng

2.2.3.1. Quyết định hình phạt đúng và nguyên nhân

Do kỹ thuật xây dựng pháp luật truyền thống nên cấu thành tăng nặng của tội giết người theo BLHS hiện hành lại nằm ở khoản 1 của điều luật, ngược lại với các điều luật quy định về tội phạm khác. Hình phạt đối với cấu thành tăng nặng của tội

giết người nhà làm luật quy định mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Với 16 tình tiết định khung tăng nặng quy định tại các điểm từ a đến q khoản 1 điều 93 BLHS.

Xác định cấu thành tăng nặng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sinh mệnh chính trị của người phạm tội do có mức hình phạt nghiêm khắc nhất (từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình) nên trong thời gian từ năm 2001 đến 2015, các cơ quan áp dụng pháp luật tỉnh Nam Định đã tập trung cao nhất trong việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội, không để xảy ra oan sai hoặc bị cấp trên hủy án.

Vụ án Cao Văn Cải phạm tội giết người

Khoảng 21h00 ngày 09/01/2014, tại nhà nghỉ Vân Thủy, thị trấn Quỹ Nhất, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, chỉ vì nghi ngờ anh Phạm Văn Lâm là người đã va chạm giao thông với mình trên đường, Cao Văn Cải đã đánh anh Lâm. Anh Phạm Văn Minh thấy vậy vào can ngăn, Cải đã dùng dao gấp lưỡi bằng kim loại sắc nhọn đâm 3 nhát vào cổ, ngực, sườn anh Minh. Hậu quả là anh Minh chết trên đường đi cấp cứu.

Cao Văn Cải bị khởi tố, điều tra, truy tố về tội Giết người với tình tiết định khung tăng nặng “có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 điều 93 BLHS. Ngày 20/6/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên xét xử sơ thẩm công khai. Áp dụng điểm n khoản 1 điều 93 BLHS tuyên phạt Cao Văn Cải 19 năm tù. Cao Văn Cải kháng cáo giảm nhẹ hình phạt sau đó cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm do tại phiên tòa phúc thẩm Cải đã rút khoáng cáo.

Nguyên nhân của việc làm đúng nêu trên là do các cơ quan áp dụng pháp luật tỉnh Nam Định đã nhận thức đúng tính chất côn đồ do hành vi của Cao Văn Cải gây nên. Cải không có mâu thuẫn gì với anh Minh nhưng chỉ vì anh Minh can ngăn Cải đánh anh Lâm mà Cải đã dùng dao tước đoạt tính mạng anh Minh. Mức hình phạt áp dụng đối với Cải đáp ứng được nguyện vọng của gia đình bị hại và quần chúng nhân dân.

2.2.3.2. Những khó khăn, bất cập, sai lầm và nguyên nhân

Trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015, việc quyết định hình phạt đối với tội giết người theo cấu thành tăng nặng trên địa bàn tỉnh Nam Định về cơ bản đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không có khó khăn vướng mắc gì. Tuy nhiên có một số vụ án cụ thể việc đánh giá vai trò và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội giữa Viện KSND và Tòa án nhân dân là khác nhau dẫn đến áp dụng hình phạt giữa Viện KSND và Tòa án nhân dân không thống nhất, có sự chênh lệch lớn về hình phạt đối với cùng hành vi.

Vụ án Ngô Văn Phương cùng đồng bọn phạm các tội Giết người, Cướp tài sản
Khoảng 20h30 ngày 19/5/2015, tại khu vực cầu Đông Bình, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, do mâu thuẫn xô sát giữa Nguyễn Thanh Hùng với Nguyễn Văn Tài, Hùng đã dùng dao chém Tài bị chảy máu ở tay. Tài chạy đến chỗ Ngô Văn Phương thông báo với Phương là bị chém và bảo Phương đưa dao cho Tài thì Ngô Văn Phương dùng dao bầu đâm một nhát vào ngực trái anh Nguyễn Thanh Hùng, hậu quả anh Hùng bị chết do vết thương thấu tim, shock mất máu cấp. Đối với Nguyễn Văn Đăng, mặc dù biết rõ Phương vừa có hành vi dùng dao đâm chết người và đang có ý định bỏ trốn, nhưng Phạm Văn Đăng đã cho Phương vay 600.000đ và còn bảo Tài đưa thêm tiền cho Phương để Phương bỏ trốn.

Hành vi của Ngô Văn Phương, Nguyễn Văn Tài bị khởi tố, truy tố về tội Giết người theo điểm n khoản 1 điều 93 BLHS. Phạm Văn Đăng bị khởi tố, truy tố về tội Che dấu tội phạm theo khoản 1 điều 313 BLHS.

Ngày 19/11/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa đại diện Viện KSND tỉnh Nam Định đánh giá vai trò của các bị cáo Phương và Tài là ngang nhau và áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 BLHS đề nghị tuyên phạt bị cáo Ngô Văn Phương từ 14 – 15 năm tù; bị cáo Nguyễn Văn Tài từ 13 – 14 năm tù về tội Giết người; bị cáo Phạm Văn Đăng từ 06 - 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Che dấu tội phạm. Việc đề nghị mức hình phạt khác nhau cho 2 bị cáo Phương và Tài được nhận định có vai trò ngang nhau là chưa hợp lý.

Tại bản án số 77/2015/HSST, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:
“Ngô Văn Phương là người trực tiếp dùng dao đâm gây hậu quả người bị hại tử

vong, nên giữ vai trò chính trong vụ án. Nguyễn Văn Tài là đồng phạm giúp sức tích cực giữ vai trò thứ hai”. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 BLHS tuyên phạt bị cáo Ngô Văn Phương 16 năm tù; bị cáo Nguyễn Văn Tài tù 15 năm tù về tội Giết người; bị cáo Phạm Văn Đăng 09 tháng tù về tội Che dấu tội phạm.[38].

Như vậy nguyên nhân của tình trạng trên là do đã có sự đánh giá khác nhau giữa Viện KSND tỉnh Nam Định và Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định về các vấn đề: Vai trò của các bị cáo 2 cơ quan đánh giá khác nhau, mức hình phạt giữa các bị cáo có sự chênh lệch đáng kể. Đối với bị cáo phạm tội Che dấu tội phạm Viện kiểm sát đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù cho cải tạo tại địa phương thì Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định lại quyết định cách ly ra khỏi đời sống xã hội.

2.2.4. Thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt

2.2.4.1. Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm

Phân tích việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm cho thấy có sự đánh giá khác nhau về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Vụ án Nguyễn Ngọc Tuấn cùng đồng bọn phạm tội giết người nêu trên là một ví dụ:

Ngày 23/8/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đưa Nguyễn Ngọc Tuấn cùng đồng bọn ra xét xử về tội Giết người theo điểm n khoản 1 điều 93 BLHS. Tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 điều 93; điều 3; 20; 50; điểm b, p khoản 1 điều 46 (thêm điểm g khoản 1 điều 48 đối với Nguyễn Hữu Thương, khoản 2 điều 46 đối với Bùi Trần Long, Nguyễn Ngọc Tuấn) tuyên phạt đối với Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Hữu Thương từ 15 – 16 năm tù, Bùi Trần Long từ 16 – 17 năm tù, Đặng Thành Phú từ 12 – 13 năm tù, các bị cáo Phạm Văn Tường, Vũ Văn Tiên từ 11 – 12 năm tù. Cũng với các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định tuyên phạt Nguyễn Ngọc Tuấn, Bùi Trần Long 16 năm tù nhưng các bị cáo còn lại có mức chênh lệch lớn so với đề nghị của Viện kiểm sát như: Đặng Thành Phú 11 năm tù, Nguyễn Hữu Thương 12 năm tù, các bị cáo Phạm Văn Tường, Vũ Văn Tiên mỗi bị cáo 8 năm tù.[38].

Như vậy đã có sự chênh lệch lớn về hình phạt giữa các bị cáo đồng phạm và giữa đề nghị của Viện kiểm sát với quyết định của Hội đồng xét xử. Nguyên nhân xảy ra tình trạng này là do đánh giá khác nhau về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi tội phạm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, nguyên nhân nữa là việc quy định chênh lệch quá nhiều giữa mức cao nhất và thấp nhất của khung hình phạt tạo điều kiện tùy nghi cho người áp dụng pháp luật.

2.2.4.3. Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Nhận định vai trò khác nhau dẫn đến quyết định hình phạt khác nhau

Vụ án Nguyễn Anh Tuấn cùng đồng bọn phạm tội giết người:

Ngày 25/7/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên Tòa xét xử công khai đối với Nguyễn Anh Tuấn cùng đồng bọn về các tội giết người và gây rối trật tự công cộng. Tại phiên tòa đại diện Viện KSND tỉnh Nam Định đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 điều 93; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 BLHS đề nghị tuyên phạt Nguyễn Anh Tuấn từ 19 – 20 năm tù. Không áp dụng điểm g khoản 1 điều 48, áp dụng thêm điều 53 BLHS xử phạt Trịnh Văn Hùng, Trịnh Đức Tư mỗi bị cáo 7 năm 6 tháng đến 8 năm 6 tháng tù. Đối với nhóm gây rối trật tự công cộng đề nghị áp dụng khoản 1 điều 245, điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 53, điều 69, điều 74 xử phạt Lưu Hồng Thắng từ 06 đến 09 tháng tù.

Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định tuyên phạt Nguyễn Anh Tuấn 19 năm tù, Trịnh Văn Hùng, Trịnh Văn Tư mỗi bị cáo 7 năm 06 tháng tù. Bị cáo Lưu Hồng Thắng 12 tháng cải tạo không giam giữ.[38].

Vấn đề chưa hợp lý ở đây là mức chênh lệch hình phạt quá lớn giữa Tuấn và Hùng, Tư. Chênh lệch 11 năm 06 tháng tù. Tuy Tuấn giữ vai trò chính nhưng trong vụ án đồng phạm mức án giữa các bị cáo đồng phạm không thể chênh lệch nhiều quá. Đối với bị cáo Tư là người trực tiếp lao vào đâm đá anh Mạnh Tuấn tạo điều kiện thuận lợi cho Tư đâm nên đúng ra phải xếp vai trò cao hơn bị cáo Hùng và xử mức án cao hơn Hùng, Ở đây tòa án xếp vai trò ngang nhau và tuyên mức 7 năm 6 tháng đối với 02 bị cáo là chưa phù hợp.

Đặc biệt việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo Lưu Hồng Thắng thể hiện sự không thống nhất giữa đề nghị của VKS và quyết định hình phạt của tòa án. Viện

kiểm sát xác định tính nguy hiểm đáng kể của hành vi do bị cáo thực hiện nên đề nghị hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, Tòa án xử phạt cải tạo không giam giữ.

Kết luận chương 2

Bên cạnh việc định tội danh thì quyết định hình phạt sao cho phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng là một vấn đề cần xem xét. Mục đích của hình phạt không chỉ mang tính răn đe mà còn mang tính cải tạo, giáo dục người phạm tội. Khi quyết định hình phạt Tòa án cần có một phán xét hợp tình, hợp lý trên cơ sở và trong khuôn khổ của pháp luật thì mới phát huy hết hiệu quả của nó.

Thông qua quá trình phân tích lý luận về định tội danh, quyết định hình phạt có thể thấy rằng lý luận về định tội danh và quyết định hình phạt là cơ sở về mặt lý thuyết cho việc vận dụng đúng các quy định pháp luật tại phần chung, phần các tội phạm của BLHS giúp cơ quan xét xử là Tòa án nhân dân ra quyết định hình phạt đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về mặt thực tiễn tại tỉnh Nam Định, quá trình điều tra, truy tố, xét xử cho thấy vấn đề định tội danh còn có những vướng mắc, việc quyết định hình phạt trong quá trình xét xử của Tòa án còn có những hạn chế do thiếu những quy định, hướng dẫn của pháp luật hình sự. Quyết định hình phạt trong từng trường hợp cụ thể còn cứng nhắc, thiếu linh hoạt, xảy ra tình trạng có sự chênh lệch về hình phạt giữa cơ quan Viện kiểm sát và Tòa án, quan điểm đường lối xử lý khác nhau do thiếu hướng dẫn cụ thể của luật khi áp dụng vào thực tiễn. Do đó cần đề ra các yêu cầu và giải pháp để bảo đảm định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định.

CHƯƠNG 3
CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ĐỊNH TỘI DANH
VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐÚNG ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI
TỪ THỰC TIỄN TỈNH NAM ĐỊNH

3.1. Yêu cầu định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người

Định tội danh tội giết người là sự thể hiện việc đánh giá chính trị - xã hội và pháp lý đối với hành vi giết người. Định tội danh đúng sẽ loại trừ việc kết án vô căn cứ những người không có hành vi nguy hiểm cho xã hội, không trái pháp luật hình sự và tạo tiền đề pháp lý cho việc quyết định hình phạt đúng, công bằng đối với những người thực hiện hành vi phạm tội giết người. Do đó yêu cầu đặt ra đối với việc định tội danh và quyết định hình phạt là phải định tội danh và quyết định hình phạt đúng, chính xác, công bằng và đầy đủ.

Định tội danh và quyết định hình phạt tội giết người đúng có nghĩa là từ quy định của BLHS về tội giết người đánh giá đúng bản chất chính trị - xã hội và pháp lý của tội phạm đã thực hiện, xác định được sự phù hợp của hành vi phạm tội đã thực hiện với các dấu hiệu được chỉ ra trong luật ở dạng khái quát. Định tội danh đúng có nghĩa là tuân thủ chính xác các quy định của Đạo luật hình sự, áp dụng điều luật, khoản và điểm của điều luật hoặc tổng hợp các điều luật bao quát được hành vi đã thực hiện. Việc định tội danh đúng hành vi nguy hiểm cho xã hội còn có ý nghĩa là áp dụng chính xác và đầy đủ đạo luật hình sự phản ánh được sự đánh giá của Nhà nước đối với tội phạm đã thực hiện.

Định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người chính xác đòi hỏi phải có việc viện dẫn đến các điểm, khoản quy định tại điều 93 BLHS. Trong trường hợp phạm tội do đồng phạm, phạm tội chưa đạt, chuẩn bị phạm tội, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tuổi chịu TNHS ... thì ngoài việc viện dẫn điểm, điều khoản tại điều 93 còn phải viện dẫn cả các điều luật tương ứng ở phân chung của BLHS.

Hiện nay, BLHS năm 2015 đã được ban hành tuy chưa có hiệu lực nhưng vẫn đặt ra yêu cầu phải nắm vững các quy định của phân chung cũng như Điều 123 phân các tội phạm để định tội danh và quyết định hình phạt.

Phải đảm bảo nguyên tắc công bằng tức là việc định tội danh và quyết định hình phạt phải đầy đủ những hành vi đã được thực hiện. Người phạm tội giết người thực hiện bao nhiêu hành vi thì phải bị xử lý về bấy nhiêu tình tiết được quy định trong luật hình sự (cấu thành cơ bản hoặc thực hiện nhiều tình tiết thuộc cấu thành tăng nặng quy định từ điểm a đến q của Điều 93 BLHS). Hoặc thực hiện cả hành vi nguy hiểm cho xã hội do điều luật khác của BLHS quy định thì cũng phải bị xử lý thêm về tội danh tương ứng. Việc này để tránh áp dụng nguyên tắc thu hút hành vi phạm tội này vào hành vi phạm tội khác khi định tội danh. Việc định tội danh đầy đủ có ý nghĩa rất lớn trong việc giải quyết các vấn đề về tố tụng hình sự như thẩm quyền điều tra, thời hạn điều tra, xét xử ...

Thực tiễn nguyên tắc công bằng ở đây còn thể hiện việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội giết người mà hành vi phạm tội thuộc điểm, điều, khoản tương đương nhau, có cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và tương đồng về đặc điểm nhân thân thì đòi hỏi phải được quyết định hình phạt như nhau. Không vì các vấn đề như chức vụ, quyền hạn, các mối quan hệ mà lợi dụng khoảng cách giữa mức cao nhất và thấp nhất của khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm, hay từ 12 năm đến 20 năm, chung thân, tử hình để quyết định các mức hình phạt khác nhau đối với những trường hợp trên.

3.2. Các giải pháp bảo đảm định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người

Trong những năm qua, mặc dù trong điều kiện kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn, tình hình tội phạm còn diễn biến phức tạp nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong hoạt động giải quyết các vụ án hình sự nói chung và án giết người nói riêng. Kết quả đó đã góp phần vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và nhân dân, phục vụ tích cực vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Nam Định. Tuy nhiên

qua thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nói chung và hoạt động định tội danh, quyết định hình phạt đối với tội giết người nói riêng trong hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định cho thấy vẫn còn những hạn chế, thiếu sót nhất định. Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người, thực tiễn áp dụng vào việc giải quyết các vụ án giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định, đánh giá những mặt đạt được và hạn chế thiếu sót, đưa ra những nguyên nhân từ đó đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động áp dụng các quy định của pháp luật hình sự vào việc giải quyết các vụ án giết người, nâng cao hiệu quả hoạt động này trong thời gian tới.

3.2.1. Tăng cường nhận thức đúng lý luận và pháp luật về tội giết người

Việc nghiên cứu sâu sắc những vấn đề lý luận và pháp luật về tội giết người sẽ tạo điều kiện cho hoạt động áp dụng pháp luật được thực hiện chính xác và có hiệu quả. Nó đảm bảo tính ổn định trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử, đảm bảo tính thống nhất và tính pháp chế trong việc áp dụng pháp luật.

Như trên đã phân tích, tuy pháp luật hình sự Việt Nam chưa đưa ra khái niệm về tội giết người nhưng trên cơ sở hệ thống lý luận về tội giết người từ trước tới nay chúng ta có thể nhận thức thế nào là tội giết người, các dấu hiệu đặc trưng, các yếu tố cấu thành của tội giết người. Giai đoạn từ khi ban hành BLHS năm 1985 đến nay, pháp luật hình sự đã cụ thể hóa cấu thành cơ bản, cấu thành tăng nặng của tội giết người. Những quy định này đòi hỏi các chủ thể áp dụng pháp luật phải có nhận thức chính xác, đầy đủ, khách quan thì mới đem lại hiệu quả thống nhất và công bằng trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người.

3.2.2. Tăng cường nhận thức đúng lý luận định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người

- Để định tội danh đúng thì phải nắm vững các dấu hiệu đặc trưng của tội giết người và các dấu hiệu đặc trưng của các tội giáp ranh khác để tránh định tội danh sai trong quá trình giải quyết vụ án. Định tội danh đối với tội giết người cũng phải đảm bảo việc tiến hành đồng thời 3 quá trình: Xác định đúng, khách quan các tình tiết thực tế của vụ án; nhận thức đúng nội dung của các quy định trong bộ luật hình sự; lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự về tội giết người để đối chiếu

chính xác, đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong quy phạm đó với các tình tiết của hành vi được thực hiện trong thực tế, trên cơ sở đó đưa ra kết luận có cơ sở, có căn cứ về sự đồng nhất giữa hành vi thực tế đã được thực hiện với cấu thành tội phạm được quy định trong điều 93 BLHS. Cụ thể:

Trong quá trình định tội danh đối với tội giết người cần phải xác định được tất cả các tình tiết của vụ án phù hợp với hiện thực khách quan. Để đạt được điều đó cần phải áp dụng các biện pháp được Bộ luật tố tụng hình sự cho phép, có nghĩa là không được dùng những biện pháp trái với quy định của pháp luật để thu thập chứng cứ và đánh giá chứng cứ theo quy định của pháp luật, không đánh giá bằng định kiến, suy diễn, chủ quan.

Để định tội danh đúng người tiến hành tố tụng phải nhận thức đúng các quy định của Bộ luật hình sự về tội giết người; lựa chọn đúng quy phạm pháp luật, đối chiếu, so sánh chính xác, đầy đủ các dấu hiệu tội phạm được quy định trong Điều 93, trong từng khoản, từng điểm của Điều 93 với các tình tiết của hành vi phạm tội có dấu hiệu giết người đã được thực hiện.

Sau khi thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ xác định các tình tiết thực tế của vụ án giết người xảy ra cần tiến hành tìm hiểu và phân tích các quy định của các quy phạm pháp luật hình sự về tội giết người để nhận thức đúng đắn nội dung của nó. Sau đó so sánh, đối chiếu các tình tiết của vụ án thực tế đã xảy ra với các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người

- QĐHP nói chung và QĐHP đối với tội giết người nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị và pháp luật. Mục đích của hình phạt chỉ đạt được khi hình phạt được quyết định một cách chính xác và công bằng, tức là có tác dụng giáo dục và cải tạo người phạm tội, ngăn ngừa phạm tội mới và giáo dục người khác.

Để quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người cần phải: *Thứ nhất*, QĐHP một cách có căn cứ, dựa trên: các quy định của BLHS, tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, yếu tố lỗi của người phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. *Thứ 2*, phải đảm bảo các nguyên tắc khi quyết định hình phạt, bao gồm: nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa tức là khi QĐHP, Tòa án phải tuân theo trình tự và các điều kiện áp dụng các loại hình phạt cụ

thể, và chỉ có thể tuyên những hình phạt được qui định trong luật; nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa tức là khi QĐHP đối với tội giết người, Tòa án phải cân nhắc lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của người phạm tội trong một tổng thể thống nhất biện chứng, hài hòa và hợp lý; nguyên tắc cá thể hóa hình phạt thể hiện ở chỗ Tòa án phải căn cứ vào các qui định của pháp luật hình sự và ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS để quyết định đối với bị cáo một loại mức hình phạt cụ thể; nguyên tắc công bằng thể hiện ở chỗ loại và mức hình phạt do Tòa án tuyên phải tương xứng với tội phạm đã thực hiện và nhân thân người phạm tội.

3.2.3. Tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự về tội giết người

Thông qua thực tiễn áp dụng pháp luật về tội giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định và việc nghiên quy định về tội giết người theo điều 93 BLHS hiện hành, điều 123 BLHS năm 2015 thấy còn nhiều quy định chưa cụ thể nhưng hiện không có văn bản hướng dẫn nên nhiều cách hiểu khác nhau trong hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người dẫn đến quan điểm về định tội danh và quyết định hình phạt giữa các cơ quan tiến hành tố tụng có sự khác nhau trong hoạt động áp dụng pháp luật. Do đó để pháp luật hình sự được áp dụng một cách thống nhất và có hệ thống thì việc giải quyết những vướng mắc trong việc định tội danh và quyết định hình phạt là một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật. Vì thế, tác giả mạnh dạn kiến nghị các cơ quan liên ngành tố tụng trung ương, Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao sớm có các văn bản hướng dẫn về các dấu hiệu pháp lý để phân biệt tội giết người với các tội giáp ranh khác như giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cố ý gây thương tích cho người khác hậu quả chết người ...Cụ thể:

- Đưa ra định nghĩa về tội giết người: Để xác định một hành vi có cấu thành tội phạm giết người hay không trước hết phải dựa vào định nghĩa tội phạm giết người. Định nghĩa tội giết người là cơ sở để phân biệt tội giết người với các trường hợp không phải là tội phạm hoặc tội phạm giáp ranh khác. Do đó đề nghị có hướng

dẫn về định nghĩa tội giết người hoặc bổ sung định nghĩa vào dấu hiệu đặc trưng của tội giết người tại điều 123 BLHS năm 2015 như sau: “người nào cố ý gây ra cái chết cho người khác một cách trái pháp luật thì ...”

- Đề nghị liên ngành tổ tụng trung ương sớm ban hành văn bản hướng dẫn có tính khái quát để phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người theo hướng: Việc phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người chủ yếu căn cứ vào dấu hiệu lỗi của người phạm tội đối với hậu quả chết người. Nếu lỗi của người phạm tội đối với hậu quả chết người là lỗi cố ý thì định tội giết người. Ngược lại, nếu lỗi của người phạm tội đối với hậu quả chết người là lỗi vô ý thì không định tội giết người mà định tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người. Muốn xác định đúng lỗi của người phạm tội chúng ta phải làm sáng tỏ hai vấn đề: Người phạm tội có thấy trước hậu quả chết người không? Nếu thấy trước thì họ mong muốn, chấp nhận hay loại trừ khả năng hậu quả này xảy ra? Nếu vấn đề thứ nhất đã được xác định là không, thì có thể loại trừ ngay khả năng lỗi cố ý giết người. Lỗi cố ý của người phạm tội trong trường hợp này chỉ còn có thể là cố ý gây thương tích. Chỉ có khả năng có lỗi cố ý giết người khi vấn đề thứ nhất đã được trả lời là có. Sẽ có lỗi cố ý giết người nếu người phạm tội mong muốn hoặc chấp nhận hậu quả chết người xảy ra.

- Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/6/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tuy đã có hướng dẫn về một số tình tiết như giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và một số tình tiết định khung tăng nặng của tội giết người như “giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng”, tình tiết “có tính chất côn đồ”, “để thực hiện hoặc che dấu tội phạm khác” nhưng do hướng dẫn vẫn chưa được cụ thể nên trong quá trình vận dụng vẫn có nhiều cách hiểu khác nhau như đã phân tích ở trên. Do đó chúng tôi đề nghị cần có hướng dẫn cụ thể hơn về các tình tiết này.

3.2.4. Tăng cường tổng kết thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người

Thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người phản ánh nhận thức lý luận và pháp luật về tội giết người, ý thức chủ quan của người làm

công tác áp dụng pháp luật. Do đó, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và pháp luật về tội giết người, tiến hành tổng kết những mặt đạt được, những tồn tại thiếu sót trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người trong cả 3 giai đoạn tố tụng điều tra, truy tố, xét xử. Từ đó rút ra những nguyên nhân tồn tại, thiếu sót và những hạn chế bất cập. Xây dựng chuyên đề giải quyết án giết người và tổ chức tập huấn cho cán bộ làm công tác này.

Việc tiến hành tổng kết cần tổ chức tại từng địa phương với những đặc điểm địa lý và tình hình tội phạm riêng sau đó tiến hành tổng kết trên toàn quốc. Đúc rút ra những bài học kinh nghiệm, những vụ án mang tính chất mẫu mực trong việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội phạm giết người.

3.2.5. Tăng cường năng lực cán bộ định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người

Năng lực của cán bộ làm công tác áp dụng pháp luật cũng là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nói chung và quá trình định tội danh, quyết định hình phạt đối với tội giết người nói riêng. Bởi vì những người này chính là chủ thể áp dụng pháp luật hình sự trong quá trình giải quyết vụ án giết người, có vai trò quan trọng trong việc giải quyết đúng, sai vụ án giết người. Mặt khác, thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói chung và vụ án hình sự về tội giết người nói riêng trên địa bàn tỉnh Nam Định còn cho thấy những sai lầm, thiếu sót trong hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt của các cơ quan tiến hành tố tụng bắt nguồn không chỉ từ những nguyên nhân khách quan mà còn từ nguyên nhân chủ quan liên quan đến yếu tố con người, nguồn nhân lực. Đó là kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn còn hạn chế, đội ngũ cán bộ làm công tác còn thiếu trong khi đó số vụ án hình sự nói chung và án hình sự về tội giết người nói riêng ngày càng tăng và diễn biến phức tạp.

Để nâng cao năng lực cán bộ làm công tác áp dụng pháp luật góp phần làm tăng hiệu quả công tác áp dụng pháp luật nói chung và hoạt động định tội danh, quyết định hình phạt đối với tội giết người nói riêng cần xác định việc thực hiện nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác định tội danh, quyết định hình phạt trên

cả 2 phương diện năng lực lý luận pháp luật về tội giết người và năng lực thực tiễn giải quyết vụ án giết người.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận và pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác định tội danh và quyết định hình phạt trong các cơ quan tiến hành tố tụng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của những người làm công tác áp dụng pháp luật. Tiến hành chuẩn hóa trình độ của cán bộ là công tác áp dụng pháp luật nói chung và hoạt động định tội danh, quyết định hình phạt nói riêng

- Tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị, lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể về công tác giải quyết các vụ án giết người cho những người tiến hành tố tụng trong các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định. Tổ chức các phiên tòa xét xử rút kinh nghiệm mời các cán bộ, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trong toàn tỉnh đến tham dự phiên tòa để theo dõi quá trình định tội danh và quyết định hình phạt của Hội đồng xét xử, kết thúc mỗi phiên tòa tổ chức họp rút kinh nghiệm đối với điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán tham gia phiên tòa, đúc rút những bài học kinh nghiệm đạt được và chưa được. Đặc biệt các ngành cần tham khảo kinh nghiệm của ngành kiểm sát nhân dân trong việc lắp đặt camera tại các phòng xét xử sau đó kết nối với màn hình của đồng chí viện trưởng viện kiểm sát, chánh án tòa án nhân dân để theo dõi trực tiếp các phiên tòa có hoạt động của Kiểm sát viên để rút kinh nghiệm. Ngành KSND cần tiếp tục phát huy việc phối hợp với ngành Tòa án tổ chức phiên tòa trực tuyến cho các cán bộ KSV làm công tác giải quyết án hình sự trong toàn ngành thông qua các điểm cầu trực tuyến đã được trang bị tới từng viện KSND cấp quận, huyện, thành phố.

Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng năng lực nêu trên sẽ giúp cho những người làm công tác áp dụng pháp luật nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, góp phần nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác áp dụng pháp luật nói chung trong đó có hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt nói riêng.

3.2.5. Tăng cường việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án giết người

Thông thường, việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động giải quyết vụ án hình sự nói chung và giải quyết vụ án giết người nói riêng diễn ra trong các trường hợp sau đây:

+ Người tiến hành tố tụng trong mỗi cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định về chức năng nhiệm vụ được quy định trong luật. Việc mỗi cá nhân này thực hiện đúng chức năng của mình bao gồm cả việc phối hợp theo luật định.

+ Những vấn đề do thực tiễn từng vụ án đặt ra mà pháp luật có thể chưa quy định hoặc chưa có hướng dẫn chính thống của cơ quan có thẩm quyền thì các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải thận trọng trao đổi, tham khảo tham khảo nhiều hướng để nếu được, thống nhất như một quy ước trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung và giải quyết vụ án giết người nói riêng. Trường hợp chưa thống nhất được với nhau thì từng cơ quan tiến hành tố tụng sẽ áp dụng các quy định pháp luật tố tụng để thực hiện nhiệm vụ của mình phù hợp các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Muốn phối hợp đạt kết quả cao, nhất là trong công cuộc cải cách toàn diện các hoạt động tư pháp, chúng ta cần có được đội ngũ đồng bộ những người tiến hành tố tụng đó là:

+ Các Điều tra viên phải thu thập, điều tra, ghi chép, sắp xếp tài liệu, chứng cứ, vật chứng một cách hợp lý, chính xác, vô tư, trung thực theo thứ tự không gian, thời gian khách quan, cả chứng cứ buộc tội, gỡ tội, cả hình thức và nội dung, theo đúng trình tự, thủ tục luật định.

+ Các Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử chú trọng thực hiện quyền của mình. Đảm bảo đủ căn cứ định tội danh đúng khi phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của cơ quan điều tra và giai đoạn ra quyết định truy tố thể hiện bằng tội danh bị truy tố trong bản cáo trạng. Cân nhắc các tình tiết, cần dẫn chiếu các điều luật, so sánh đối chiếu với các tình tiết của vụ án trong quá trình truy tố, xét xử để đề nghị hình phạt phù hợp.

+ Các Thẩm phán và Hội đồng xét xử nhất là thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần đổi mới trong phương pháp điều khiển phiên tòa, nhất là giai đoạn xét hỏi và tranh luận. Theo đó cần tăng cường kỹ năng thẩm vấn, tiến hành điều khiển phiên tòa theo trình tự Bộ luật tố tụng hình sự quy định, chỉ gọi mở để những người tham gia tố tụng đối thoại, chứng minh về cả vấn đề buộc tội và gỡ tội cũng như các vấn đề khác. Từ đó Hội đồng xét xử có thể quyết định định tội danh đúng và tuyên hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Phối hợp trên cơ sở sự kết tinh đồng bộ đó, mới tạo điều kiện cơ bản để cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoàn thành tốt nhiệm vụ nói chung của mình là phòng, chống tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng.

Như vậy, để bảo đảm định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người cũng cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người, cũng như thực tiễn hoạt động áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định trong việc giải quyết các vụ án hình sự nói chung và án giết người nói riêng trong thời gian qua, đánh giá những mặt đạt được, những tồn tại và hạn chế bất cập của hoạt động đó. Xác định được các nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, bất cập trong hoạt động áp dụng pháp luật nên trong chương này tác giả tập trung đề ra các yêu cầu để việc định tội danh và quyết định hình phạt đúng trong việc giải quyết vụ án giết người.

Từ các yêu cầu đề ra, tác giả đề xuất những giải pháp đảm bảo định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người trên địa bàn cả nước nói chung và tỉnh Nam Định nói riêng. Đây phải là các giải pháp đồng bộ tác động vào những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt trong việc giải quyết án hình sự nói chung và giải quyết vụ án giết người nói riêng. Đồng thời các giải pháp này phải phù hợp với tình hình địa phương và có tính khả thi để đảm bảo việc định tội danh và quyết định hình phạt đúng trong việc giải quyết các vụ án giết người.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người có thể thấy quy định về tội giết người ngày càng hoàn thiện hơn. Ban đầu chỉ là những quy định trong các Sắc lệnh, văn bản hướng dẫn của chính phủ, các văn bản tổng kết của ngành tòa án, các thông tư hướng dẫn đơn và đa ngành ... rồi đến việc quy định trong BLHS năm 1985, được hoàn thiện hơn trong BLHS năm 1999, BLHS năm 2015, đã đáp ứng yêu cầu về đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và đấu tranh phòng chống tội phạm giết người nói riêng của nước ta trong từng giai đoạn lịch sử.

Trong những năm qua, tình hình tội phạm nói chung và tội phạm giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định nói riêng có những diễn biến phức tạp, các vụ án giết người xảy ra không xuất phát từ những nguyên nhân xa xa mà thông thường chỉ vì những nguyên cơ, mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống mà người phạm tội tước đi tính mạng của người khác, gây tâm lý bất bình, hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Trước tình hình đó, các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định đã phân đấu nỗ lực giải quyết khá tốt các vụ án hình sự xảy ra trên địa bàn trong đó có các vụ án hình sự về tội giết người. Điều này đã góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án giết người trên địa bàn tỉnh Nam Định trong thời gian vừa qua vẫn còn có những tồn tại, thiếu sót nhất định, ảnh hưởng đến kết quả giải quyết án hình sự. Trong đó có những tồn tại, thiếu sót trong quá trình định tội danh, quyết hình phạt đối với tội giết người. Nguyên nhân của những tồn tại thiếu sót trên xuất phát từ yếu tố khách quan do cấu thành tội phạm của tội giết người có những đặc điểm gần giống với cấu thành các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe khác, các tình tiết định khung tăng nặng trong điều luật quy định có tính khái quát cao; nhiều tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ chưa có hướng dẫn cụ thể nên trong quá trình áp dụng pháp luật vẫn có những quan điểm khác nhau về định tội danh, quyết định hình phạt. Nguyên nhân chủ quan là do trình độ, năng lực nhận thức và kinh nghiệm áp dụng pháp luật của người tiến

hành tố tụng khác nhau cũng ảnh hưởng đến quá trình định tội danh và quyết định hình phạt trong việc giải quyết vụ án giết người.

Do đó, việc nghiên cứu lịch sử hình thành, lý luận và các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người là cần thiết đối với cơ quan và người tiến hành tố tụng trong việc áp dụng pháp luật đối với tội phạm giết người. Về cơ sở lý luận tác giả đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách khoa học về tội giết người, phân tích các dấu hiệu pháp lý đặc trưng về tội giết người, các dấu hiệu định tội, các dấu hiệu định khung hình phạt. Về thực tiễn, thông qua việc nghiên cứu quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án giết người trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 tác giả đã đánh giá việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự và pháp luật TTHS đối với tội giết người của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Nam Định trên các phương diện định tội danh và quyết định hình phạt, qua đó đề xuất các yêu cầu và giải pháp đảm bảo định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người như: Yêu cầu về định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người; giải pháp tăng cường nhận thức đúng lý luận về tội giết người, giải pháp về tăng cường nhận thức đúng lý luận định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người, tăng cường hướng dẫn pháp luật hình sự, tăng cường tổng kết thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người, tăng cường năng lực cán bộ định tội danh và quyết định hình phạt và giải pháp tăng cường việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động giải quyết vụ án giết người.

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, tác giả nhận được sự giúp đỡ của nhiều cơ quan tổ chức và cá nhân. Tác giả xin chân thành cảm ơn Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định; đặc biệt tác giả xin chân thành cảm ơn thầy hướng dẫn khoa học PGS, TS. Hồ Sỹ Sơn, người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tác giả trong quá trình thực hiện luận văn. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu mới chỉ là bước đầu, năng lực bản thân còn hạn chế. Vì vậy, nội dung của luận văn không tránh khỏi những thiếu sót, sẽ còn những vấn đề, nội dung chưa được giải quyết triệt để, sâu sắc và khoa học, tác giả rất mong nhận được sự góp ý, bổ sung của quý học giả, các nhà khoa học, các thầy cô giáo để tác giả hoàn thiện công trình nghiên cứu này./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
2. Chính phủ: Tờ trình số 186/TTr-CP ngày 27/4/2015 về Dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi).
3. Chủ tịch nước: sắc lệnh số 27-SL ngày 28/02/1946 trừng trị các tội bắt cóc, tống tiền và ám sát.
4. Chủ tịch nước: sắc lệnh số 133 - SL ngày 20/01/1953 trừng trị những tội phạm an ninh đối nội và an toàn đối ngoại của Nhà nước.
5. Chủ tịch nước: sắc lệnh số 151 - SL ngày 20/01/1953 trừng trị ngày 12/4/1953 trừng trị địa chủ chống pháp luật
6. Chủ tịch nước: sắc lệnh số 151 - SL ngày 12/4/1953 trừng trị địa chủ chống pháp.
7. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định: Bản kết luận điều tra số 32/PC45 ngày 18/5/2015.
8. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định: Bản kết luận điều tra số 62/PC45 ngày 20/8/2015.
9. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định: Bản kết luận điều tra số 30/PC45 ngày 31/3/2016.
10. Đại hội đồng liên hợp quốc: Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966.
11. Đỗ Đức Hồng Hà: Luận án tiến sĩ luật học “Tội giết người trong luật hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng chống tội phạm này”.
12. Đỗ Đức Hồng Hà: Quy định về tội giết người trong pháp luật hình sự Việt Nam giai đoạn từ năm 1945 đến trước Bộ luật hình sự 1985 – Tạp chí Luật học số 05 năm 2003.
13. Nguyễn Ngọc Hòa: “Tội phạm và cấu thành tội phạm”, nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, năm 2015.

14. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán, TAND tối cao.
15. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Nghị quyết 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán, TAND tối cao.
16. Đinh Văn Quế: Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999, nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh năm 2002.
17. Quốc hội: Nghị quyết ngày 02/7/1976, Quốc hội khóa VI.
18. Quốc hội: Bộ luật hình sự năm 1985, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
19. Quốc hội: Bộ luật hình sự năm 1999, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia năm 2010.
20. Quốc hội: Bộ luật hình sự năm 2015, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2016
21. Quốc hội: Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. Quốc hội: Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1992.
23. Quốc hội: Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam sửa đổi năm 2013.
24. Quốc hội: Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004.
25. Quốc hội: Luật trẻ em năm 2016.
26. Thông tư liên tịch số 06/2012/TTLT/BCA-BQP-BTP_VKSTC-TANDTC ngày 05/5/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS.
27. Thông tư số 03-SL-BTP-TT, ngày 15 tháng 4 năm 1976 của Bộ Tư pháp.
28. Thủ tướng Chính phủ: Thông tư số 442-TTg ngày 19/01/1955 tổng kết án lệ về một số tội phạm thông thường.
29. Tòa án nhân dân tối cao: Báo cáo tổng kết công tác ngành năm 1977.
30. Tòa án nhân dân tối cao: Chỉ thị số 54-TATC, ngày 06/7/1976.
31. Tòa án nhân dân Tối cao: Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 về giải đáp các vấn đề nghiệp vụ.
32. Tòa phúc thẩm TAND tối cao: Bản án số 319/2013/HSST ngày 28/5/2013.
33. Tòa phúc thẩm TAND tối cao: Bản án số 55/2013/HSST ngày 30/01/2013.
34. Tòa phúc thẩm TAND tối cao: Bản án số 501/2012/HSST ngày 27/9/2012.
35. Tòa phúc thẩm TAND tối cao: Bản án số 607/2012/HSST ngày 31/10/2012.

36. Tòa phúc thẩm TAND tối cao: Bản án số 715/2011/HSST ngày 30/11/2011.
37. Tòa phúc thẩm TAND tối cao: Bản án số 599/2013/HSST ngày 27/9/2013.
38. Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định: Bản án hình sự sơ thẩm các vụ án giết người từ năm 2011 đến năm 2015.
39. Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định: Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung số 61/2011/HSST-QĐ ngày 15/12/2011.
40. Trường Đại học kiểm sát Hà Nội: Tập bài giảng chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu một số kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm tội giết người và tội cố ý gây thương tích, Hà Nội, năm 2014.
41. Đào Trí Úc: Luật hình sự Việt Nam, những vấn đề lý luận chung, nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội năm 2000.
42. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: Chuyên đề Một số kinh nghiệm trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án giết người, Hà Nội, năm 2010.
43. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: Công văn số 2293/KSĐT-TA ngày 08/11/1999 của Viện KSND tối cao hướng dẫn về xử lý hành vi dùng điện gây chết người.
44. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: Kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐ-VKSTC-VPT1 ngày 11/7/2013.
45. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định: Kháng nghị phúc thẩm số 125/KN-VKS ngày 26/7/2011.
46. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định: Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 81 ngày 13/9/2012.
47. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định: Cáo trạng truy tố các vụ án giết người từ năm 2011 đến năm 2015.
48. Võ Khánh Vinh: Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung) nhà xuất bản Công an nhân dân năm 2002.
49. Võ Khánh Vinh: Lý luận chung về định tội danh, nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội năm 2013.

PHỤ LỤC

**Bảng 2.1: Số liệu, tỷ lệ án giết người và cố ý gây thương tích
Tòa án đã xét xử từ năm 2011 đến năm 2015.**

Năm	Tổng số vụ/bị cáo xâm phạm tính mạng, sức khỏe (1)		Tổng số vụ/bị cáo tội Giết người (Điều 93) (2)		Tổng số vụ/bị cáo tội Cố ý gây thương tích (Điều 104) (3)		Tỷ lệ % số vụ (2) so với (1)	Tỷ lệ % số vụ (3) so với (1)
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo		
2011	76	132	8	21	68	111	10,5%	89,5%
2012	80	142	9	15	70	126	11,2%	88,8%
2013	79	140	8	11	68	126	10,1%	89,9%
2014	65	113	7	15	57	97	10,7%	89,3%
2015	75	133	11	24	63	108	14,6%	85,4%
Tổng	375	660	43	86	326	568		

***Nguồn: Số liệu thống kê của phòng thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.**

**Bảng 2.2: Số liệu, tỷ lệ án giết người bị đình chỉ, tạm đình chỉ
từ năm 2011 đến năm 2015**

Năm	Tổng số vụ giết người CQĐT thụ lý giải quyết (1)	Số vụ đình chỉ (2)	số vụ tạm đình chỉ (3)	Tỷ lệ số vụ (2)/(1)	Tỷ lệ số vụ (3)/(1)
2011	12	0	04	0	33,3%
2012	10	0	01		10%
2013	11	02	01	18,1%	9%
2014	8	01		12,5%	
2015	14	03		21,4%	
Tổng	55	06	06		

***Nguồn: Số liệu thống kê của Phòng thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.**

**Bảng 2.3. Tổng số vụ án, bị cáo Tòa án tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm
từ năm 2011 đến năm 2015**

Năm	Tổng số vụ án, bị cáo Tòa án cấp tỉnh đã xét xử	Số vụ án, bị cáo giết người	Tỷ lệ (%) vụ án giết người	Tỷ lệ (%) bị cáo giết người
2011	57 vụ- 138 bị cáo	08 vụ - 21 bị cáo	14%	15,2%
2012	55 vụ - 127 bị cáo	09 vụ - 15 bị cáo	16,3%	11,8%
2013	61 vụ - 152 bị cáo	08 vụ - 11 bị cáo	13,1%	7,2%
2014	72 vụ - 179 bị cáo	7 vụ - 15 bị cáo	9,7%	8,3%
2015	82 vụ - 212 bị cáo	11 vụ - 24 bị cáo	13,4%	11,3%
Tổng	327 vụ - 808 bị cáo	43 vụ - 86 bị cáo		

***Nguồn: Số liệu thống kê của Phòng thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.**

**Bảng 2.4. Tổng số vụ án, bị cáo tội giết người Tòa án nhân dân tỉnh Nam
xét xử có kháng cáo, kháng nghị thời gian từ năm 2011 đến năm 2015**

Năm	Tổng số vụ án, bị cáo giết người	Số vụ án, bị cáo có kháng cáo, kháng nghị	Kết quả giải quyết		
			Y án	Sửa án	Hủy án
2011	08 vụ - 21 bị cáo	06 vụ - 07 bị cáo	04 vụ - 04 bị cáo	02 vụ - 03 bị cáo	
2012	09 vụ - 15 bị cáo	06 vụ - 06 bị cáo	03 vụ - 03 bị cáo	03 vụ - 03 bị cáo	
2013	08 vụ - 11 bị cáo	04 vụ - 06 bị cáo	01 vụ - 02 bị cáo	03 vụ - 04 bị cáo	
2014	07 vụ - 15 bị cáo	04 vụ - 04 bị cáo	02 vụ - 02 bị cáo	02 vụ - 02 bị cáo	
2015	11 vụ - 25 bị cáo	02 vụ - 03 bị cáo	01 vụ - 01 bị cáo	01 vụ - 02 bị cáo	
Tổng	43 vụ - 86 bị cáo	22 vụ - 26 bị cáo	11 vụ - 12 bị cáo	11 vụ - 14 bị cáo	

***Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.**

**Bảng 2.5. Số liệu tội giết người do bị can tâm thần thực hiện
và tỷ lệ so với tổng số thụ lý án giết người từ năm 2011 - 2015**

Năm	Số vụ	Số bị can	Đình chỉ điều tra do bị can bị tâm thần	Tỷ lệ % so với tổng số vụ án giết người
2011	12	24		
2012	10	15		
2013	11	13	2	18%
2014	8	16	1	12,5%
2015	14	27	3	21,5%

***Nguồn: Số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.**

**Bảng 2.6. Số bị cáo đã xét xử theo mức hình phạt Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định
đã tuyên đối với tội giết người từ năm 2011 đến 2015**

Năm	Tổng số bị cáo	Tù 3 năm tù trở xuống	Từ 3 năm đến 7 năm	Trên 7 năm đến 15	Trên 15 năm đến 20 năm	Tù chung thân	Tử hình
2011	21 bị cáo	6 bị cáo	8 bị cáo	7 bị cáo			
2012	15 bị cáo		1 bị cáo	12 bị cáo	2 bị cáo		
2013	11 bị cáo		10 bị cáo	1 bị cáo			
2014	15 bị cáo		02 bị cáo	04 bị cáo	08 bị cáo		01 bị cáo
2015	24 bị cáo		06 bị cáo	13 bị cáo	05 bị cáo		
Tổng	86 bị cáo	06 bị cáo	27 bị cáo	37 bị cáo	15 bị cáo		01 bị cáo

***Nguồn: Số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.**

Bảng 2.7. Tổng số bị cáo phạm tội giết người Tòa án đã xét xử từ năm 2011 đến năm 2015.

Năm	Tổng số bị cáo đã xét xử	Tòa tuyên trong mức Viện kiểm sát đề nghị	Tòa tuyên chênh lệch so với viện kiểm sát đề nghị	Tỉ lệ % Tòa tuyên chênh lệch
2011	21 bị cáo	17 bị cáo	04 bị cáo	19%
2012	15 bị cáo	10 bị cáo	05 bị cáo	33,3%
2013	11 bị cáo	9 bị cáo	2 bị cáo	18,1%
2014	15 bị cáo	11 bị cáo	04 bị cáo	26,6%
2015	24 bị cáo	20 bị cáo	04 bị cáo	16,6%
Tổng	86 bị cáo	71 bị cáo	15 bị cáo	

***Nguồn: Số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.**